

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU  
BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN



PROTRADE



A128, Đường 3-2, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu,  
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



0274. 3755243 - 3755039 - 3755342



info@protrade.com.vn



www.protrade.com.vn



PROTRADE

BÁO CÁO | 2020  
THƯỜNG NIÊN



## MỤC LỤC

### THÔNG TIN CHUNG

- 01 Thông tin khái quát
- 09 Quá trình hình thành và phát triển
- 11 Các giải thưởng tiêu biểu
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 21 Định hướng phát triển
- 23 Các rủi ro

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- 33 Tình hình tài chính
- 38 Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 39 Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng của chủ sở hữu
- 43 Tổ chức và nhân sự

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 59 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 60 Tình hình tài chính
- 64 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 65 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 68 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường xã hội của Tổng Công ty

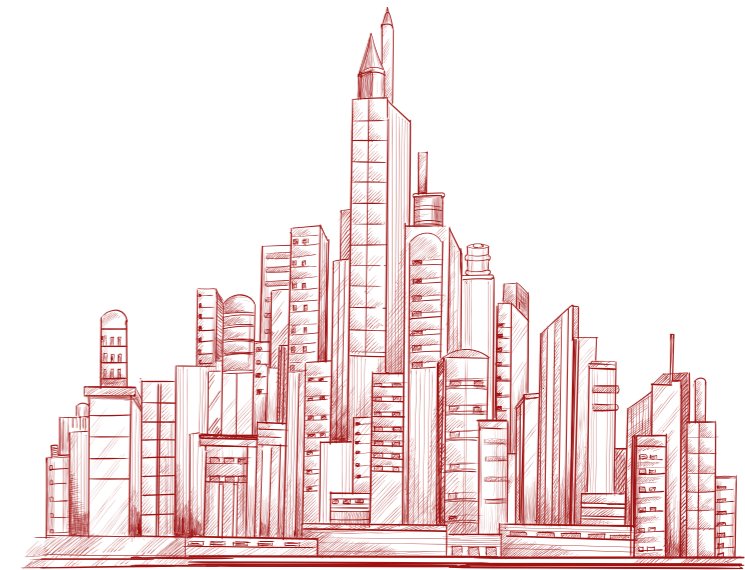
### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 71 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
- 71 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 73 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 78 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 81 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 83 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH



# 1

## THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 09 Quá trình hình thành và phát triển
- 11 Các giải thưởng tiêu biểu
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 21 Định hướng phát triển
- 23 Các yếu tố rủi ro







## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên Công ty** Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần
- **Tên giao dịch** Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần
- **Tên viết tắt** Protrade Corp
- **Tên Tiếng Anh** Binh Duong Producing and Trading Corporation
- **Mã cổ phiếu** PRT

- **Vốn điều lệ** 3.000.000.000.000 đồng
- **Trụ sở chính** A128, Đường 3-2, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- **Điện thoại** 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342
- **Fax** 0274. 3755040
- **Email** info@protrade.com.vn
- **Website** www.protrade.com.vn
- **Giấy chứng nhận ĐKDN** số 3700148166 do Sở KHĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 22/04/2020



# QUÁ TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN HÌNH THÀNH



**1982**

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2 Sông Bé, được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-TU ngày 20/10/1982 của Tỉnh ủy Sông Bé. Nguồn vốn hoạt động ban đầu của xí nghiệp là 4.000.000 đồng, sản phẩm chủ lực là dép xốp cao su đi biển.

**1983**

Công ty xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày, đồng thời mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cơ, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dép để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đổi lưu gồm những mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.

**2002**

Từ số vốn ban đầu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) sau hơn 20 năm hoạt động, tổng số vốn của Công ty là 271.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một tỷ đồng), tăng 67.750 lần so với ban đầu.

**2006**

UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 134/QĐ/UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con.

**2010**

UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục ban hành Quyết định số 2964/QĐ- UBND ngày 04/10/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.

**2015**

Ngày 18/12/2015, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3332/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.

**2017**

Ngày 28/12/2017, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3706/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 3.000.000.000.000 đồng.

**2018**

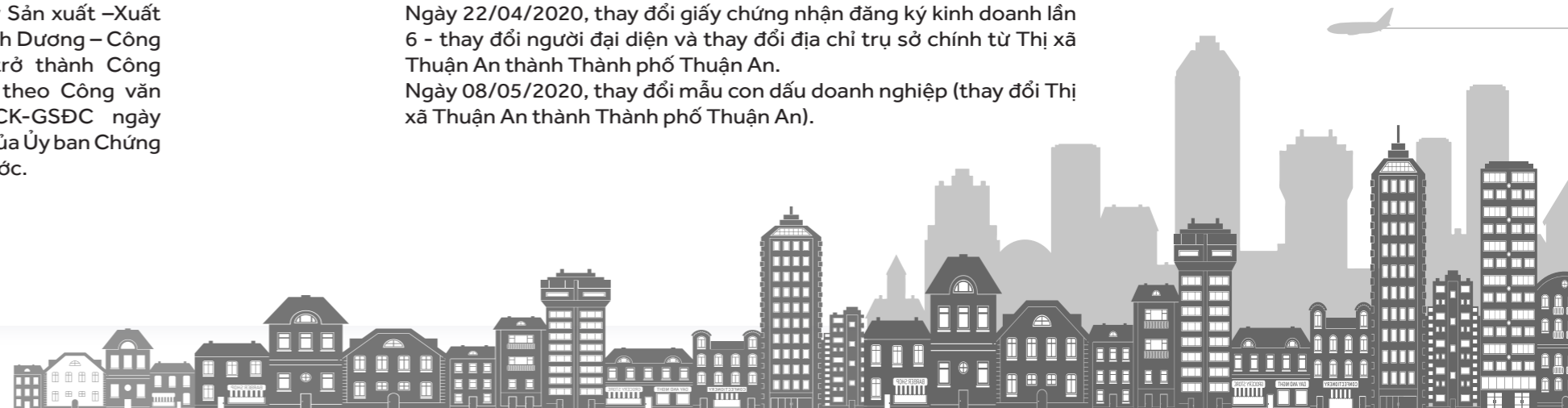
Ngày 26/10/2018, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần. Ngày 01/11/2018, Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

**2019**

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 2334/UBCK-GSĐC ngày 11/04/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**2020**

Ngày 22/04/2020, thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 - thay đổi người đại diện và thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Thị xã Thuận An thành Thành phố Thuận An.  
Ngày 08/05/2020, thay đổi mẫu con dấu doanh nghiệp (thay đổi Thị xã Thuận An thành Thành phố Thuận An).





# CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

**T**rong quá trình hoạt động Tổng Công ty đã nhận được nhiều giải thưởng cũng như bằng khen của các cơ quan ban ngành như:



Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984.



Huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985.



Huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

**C**ác bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm.

Ngoài ra còn có các bằng khen và cờ thi đua khác của các cấp.



Tổng Công ty nhận bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương nhân dịp kỷ niệm 14 năm ngày tái thành lập tỉnh và Ngày doanh nghiệp Bình Dương.



Công nương Maxima - Hoàng gia Hà Lan cùng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Ngoại thương, Phái bộ Kinh tế Hà Lan đến thăm Nhà máy Sữa Hà Nam.



# “NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH”

Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

## Nhóm ngành nghề hoạt động kinh doanh bất động sản

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

## Nhóm ngành nghề hoạt động xây dựng (Khu công nghiệp)

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

## Nhóm ngành nghề hoạt động y tế, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động y tế khác;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện.

## Nhóm ngành nghề bán buôn

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

## Nhóm ngành nghề vận tải, kho bãi

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

## Nhóm ngành nghề sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

## Nhóm ngành nghề lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế

## Nhóm ngành nghề nông nghiệp và các hoạt động dịch vụ có liên quan

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây cao su;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Nhân giống, chăm sóc cây giống nông nghiệp;

## Nhóm ngành nghề sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

## Nhóm cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính

- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

## Nhóm ngành nghề sản xuất trang phục

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc.

## Nhóm ngành quảng cáo, nghiên cứu thị trường

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

## Nhóm ngành nghề sản xuất, chế biến thực phẩm

- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

## Nhóm ngành nghề dịch vụ lưu trú

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

## Nhóm ngành nghề khai thác khoáng; sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất từ kim loại đúc sẵn

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Casting và hoàn thiện đá;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu.

## Nhóm ngành nghề hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí (sân golf)

- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

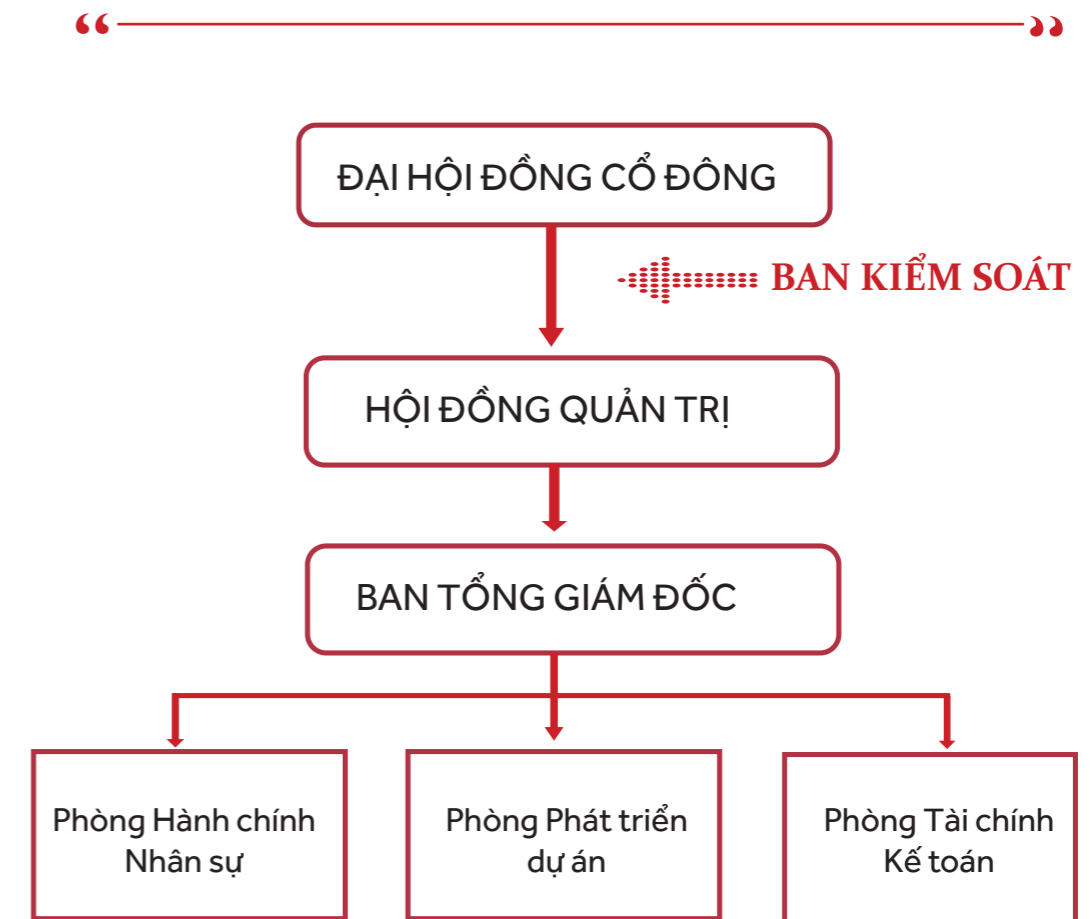
## Nhóm ngành nghề sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá.





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



**Đ**ại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo luật Doanh nghiệp và các văn bản luật khác như: thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm; và quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty,...

**H**ội đồng Quản trị: Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**B**an Kiểm soát: Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; số lượng thành viên, lợi ích, trách nhiệm và đãi ngộ việc làm do điều lệ Tổng Công ty quy định. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty nhằm đảm bảo sự tin cậy, chính xác của báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty luôn hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật cũng như các quy định, quy trình nội bộ của Tổng Công ty.

**B**an Tổng Giám đốc: Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

## DANH SÁCH CÔNG TY CON



### CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP THUẬN AN

- Địa chỉ: Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 9.950.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tiểu thủ công nghiệp, bách hóa, thực phẩm, xăng dầu,...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 62,68%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 62,68%



### KP APPARELL MANUFACTURING CO.LTD

- Địa chỉ: Vương quốc Campuchia
- Vốn điều lệ : 2.000.000 USD
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%
- Tình hình hoạt động : Tổng công ty đang làm thủ tục giải thể Công ty TNHH KP Apparell Manufacturing có trụ sở tại Vương quốc Campuchia.



## CÔNG TY MẸ

### CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN BÌNH DƯƠNG

- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 75 Bạch Đằng, khu phố 6, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ ăn uống, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.



### CÔNG TY TNHH SÂN GOLF PALM SÔNG BÉ

- Địa chỉ: 77 đại lộ Bình Dương, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 915.047.144.712 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%



### CÔNG TY TNHH MTV GIẤY VĨNH PHÚ

- Địa chỉ: Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 84.522.691.475 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%



### CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

- Địa chỉ: An Tây, Thị xã Bến Cát, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 621.240.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN,...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 100%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100%



### CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU DẦU TIẾNG VIỆT LÀO

- Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 700.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Trồng và chế biến mủ cao su
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 50,5%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 50,5%





## DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT



### CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÚ MỸ

- Địa chỉ: P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 55.000.000 Đô la Mỹ
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 35%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35%



### CÔNG TY CP BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC

- Địa chỉ: Phường Vĩnh Phú, TP Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 1.224.794.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động lĩnh vực y tế...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 27,52%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24%



### CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG

- Địa chỉ: Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 30,9%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30,9%



### CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

- Địa chỉ: KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TP Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 48,89%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 48,89%



### CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN TÂN THÀNH

- Địa chỉ: P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 480.000.000.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 41,74%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%



### CÔNG TY TNHH FRIESLANDCAMPINA VIỆT NAM

- Địa chỉ: KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 294.906.142.000 đồng
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 30%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%



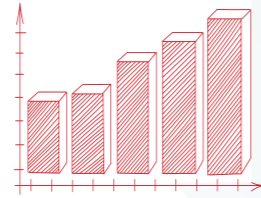
### CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE

- Địa chỉ: KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương
- Vốn điều lệ : 162.071.250.000 đồng (tương đương 8.000.000 Đô la Mỹ)
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh vận tải, kho vận...
- Tỷ lệ lợi ích của Protrade: 30%/VĐL
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30%





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### Các mục tiêu và tầm nhìn chiến lược

- Định vị thương hiệu ở các thị trường hiện tại, đồng thời mở rộng phát triển sang các thị trường mới trong và ngoài nước.
- Trở thành một Tập đoàn đầu tư đa ngành nghề, đa lĩnh vực dựa trên những thế mạnh hiện có của Tổng Công ty.
- Tiếp tục phát huy các lĩnh vực sẵn có, đẩy mạnh phát triển và tập trung vào phân khúc cao cấp, giá trị cao và ít bị cạnh tranh.
- Đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, cải thiện trình độ chuyên môn và năng lực công tác.
- Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chiến lược phát triển của Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương- CTCP là tiếp tục kế thừa và đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã định hình và phát triển trong hơn 35 năm qua với 03 lĩnh vực ngành nghề có sự tương trợ lẫn nhau. Trong đó, bám sát vào cơ cấu ngành dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp như sau:

Lĩnh vực dịch vụ: Đầu tư tài chính, tập trung vào các ngành dịch vụ thể thao giải trí cao cấp, phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có đóng góp vượt trội cho cộng đồng. Đầu tư kinh doanh khu dân cư, bất động sản. Phát triển dịch vụ logistics.

» Lĩnh vực dịch vụ: Đầu tư tài chính, tập trung vào các ngành dịch vụ thể thao giải trí cao cấp, phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có đóng góp vượt trội cho cộng đồng. Đầu tư kinh doanh khu dân cư, bất động sản. Phát triển dịch vụ logistics.

» Lĩnh vực dịch vụ: Đầu tư tài chính, tập trung vào các ngành dịch vụ thể thao giải trí cao cấp, phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có đóng góp vượt trội cho cộng đồng. Đầu tư kinh doanh khu dân cư, bất động sản. Phát triển dịch vụ logistics.

» Lĩnh vực công nghiệp: Tiếp tục phát triển kinh doanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển các ngành sản xuất giấy, gỗ, đồ gia dụng, may mặc ứng dụng hiện đại hóa máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường.

» Lĩnh vực nông nghiệp: Trồng cây công nghiệp, cây cao su, chế biến mủ cao su. Nhằm mục tiêu nghiên cứu triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp năng suất cao, hướng đến phát triển cộng đồng nông dân và nông thôn.

» Lĩnh vực công nghiệp: Tiếp tục phát triển kinh doanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tập trung phát triển các ngành sản xuất giấy, gỗ, đồ gia dụng, may mặc ứng dụng hiện đại hóa máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động và bảo vệ môi trường.

- Việc đầu tư tài chính trực tiếp và gián tiếp của Tổng Công ty Sản xuất- Xuất nhập khẩu Bình Dương- CTCP sẽ đóng vai trò chủ đạo để định hướng phát triển các ngành sản xuất. Tựu hiện đầu tư vốn với vai trò sáng lập và định hướng, ưu tiên huy động vốn từ nhiều thành phần kinh tế để tạo nên sức mạnh tài chính và tối ưu hóa hiệu quả đầu tư ở các ngành kinh doanh. Tuy nhiên, Tổng Công ty hạn chế sở hữu tỷ lệ vốn 100% ở các Công ty con.

### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Tổng Công ty

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ và thiên tai, chú trọng an toàn lao động cho người lao động.
- Góp phần giữ gìn môi trường nước và dân cư thông qua việc xử lý nguồn nước và chất thải theo đúng quy định.
- Nhằm nâng cao trách nhiệm và phát huy hết năng lực của người lao động, Tổng Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động thông qua việc tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, an toàn; đồng thời luôn chú trọng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho CBNV. Từ đó góp phần vào sự phát triển vững mạnh của Tổng Công ty.



## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

**T**ình hình kinh tế, xã hội năm 2020 diễn ra trong bối cảnh nhiều biến động phức tạp. Khi Chiến tranh thương mại thế giới Mỹ và Trung Quốc có dấu hiệu tạm lắng thì dịch bệnh Covid-19 lại bao phủ “bóng đen” lên nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, tính đến thời điểm tháng 11/2020, trên thế giới chỉ có hai quốc gia duy trì được đà tăng trưởng kinh tế tích cực là Việt Nam và Trung Quốc. Trong khi nền kinh tế của Trung Quốc chỉ đang trong giai đoạn bắt đầu phục hồi thì nền kinh tế Việt Nam vẫn đang trụ vững. Theo Tổng cục thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 đạt 2,91%, là mức tăng thấp nhất giai đoạn 2011-2020. Dù mức tăng không đạt chỉ tiêu đặt ra nhưng có thể nói Việt Nam đã tránh được những ảnh hưởng kinh tế tồi tệ nhất do đại dịch gây nên. Những biến động liên tục của nền kinh tế trong và ngoài nước trong thời kỳ dịch bệnh đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua tình hình hoạt động của các Công ty con, Công ty liên kết.

- Lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng may mặc gặp nhiều khó khăn từ khâu nguyên liệu đầu vào đến thị trường tiêu thụ sản phẩm khiến doanh thu Tổng Công ty giảm đáng kể.
- Bất động sản là lĩnh vực chịu tác động nặng nề nhất bởi đại dịch. Tuy nhiên, bất động sản khu công nghiệp vẫn thu hút nhiều sự đầu tư do sự dịch chuyển của các chủ doanh nghiệp đang dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam. Theo số liệu từ Bộ xây dựng, giá thuê tăng khoảng 9% so với cùng kỳ năm 2019. Do đó, doanh thu của Tổng Công ty về lĩnh vực này tương đối tốt và có triển vọng trong năm 2021.
- Sữa là sản phẩm ít bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Mặc dù sau Hiệp định EVFTA, mức độ cạnh tranh ngành sữa tại Việt Nam tăng cao nhưng với sự chuẩn bị từ rất sớm nên Tổng Công ty vẫn tự tin cạnh tranh. Đặc biệt, phân khúc sữa bột cao cấp của Friesland Campina được cho là tiếp tục tăng trưởng do đón tập khách hàng trung lưu mới.

Nhằm tận dụng mọi cơ hội và tối thiểu rủi ro, Tổng Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm các thị trường mới; chủ động theo dõi, cập nhật nhanh chóng các thông tin vĩ mô, vi mô từ đó đưa ra những chiến lược, chính sách phù hợp để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động ổn định.



### Rủi ro tỷ giá

**T**ổng công ty hoạt động ở tỉnh Bình Dương và đầu tư sang nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; đồng thời, xuất khẩu nhiều mặt hàng công và nông nghiệp sang nhiều thị trường trên thế giới. Vì vậy, tỷ giá là một yếu tố có tác động quan trọng đối với kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Với mục tiêu khẳng định thương hiệu, mở rộng phát triển trên thị trường trong và ngoài nước, Tổng công ty luôn theo dõi tình hình vĩ mô, cập nhật liên tục, chính xác các biến động thị trường, tiến hành lập kế hoạch tài chính, thực hiện các hợp đồng phái sinh để cố định được giá bán và đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu để hạn chế tối thiểu rủi ro tỷ giá.



### Rủi ro lãi suất

**T**hời gian qua, để hỗ trợ nền kinh tế nói chung và cộng đồng doanh nghiệp nói riêng, trong đó có lĩnh vực kinh doanh bất động sản, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các quyết định điều chỉnh giảm một số loại lãi suất điều hành có hiệu lực kể từ ngày 13/5/2020. Đây là lần thứ 2 trong năm 2020 và lần thứ 3 trong vòng 1 năm qua Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất, một số ngân hàng thương mại cũng đã có những hành động và kế hoạch cho khách hàng giãn, hoãn những khoản nợ. Mặc dù lãi suất giảm nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn ở mức thấp, nhu cầu vay vốn không nhiều do điều kiện vay vẫn khá khắt khe nên doanh nghiệp không dễ dàng tiếp cận. Tổng Công ty hiện đang sử dụng khá nhiều nợ vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Vì các khoản nợ vay ngắn hạn này sẽ được thanh toán trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh nên phần lớn chi phí lãi vay sẽ được tính vào chi phí hoạt động trong kỳ, điều này gây áp lực đến dòng tiền kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Do đó, Tổng công ty cần đưa ra những phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp với nhu cầu vay thực tế và diễn biến chung của thị trường lãi suất.

### Rủi ro pháp luật

**L**à một Tổng Công ty hoạt động đa ngành nghề với hoạt động chính là đầu tư tài chính vào Công ty con, Công ty liên kết với 3 lĩnh vực là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nên Tổng Công ty chịu sự ảnh hưởng của các văn bản luật có liên quan như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật lao động, Luật kinh doanh bất động sản, Luật công nghiệp,... Mọi sự điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung về luật có thể tạo ra cơ hội và thách thức đối với hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn ngày càng hoàn thiện chặt chẽ hơn, điều này tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam. Do đó, để giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty thường xuyên cập nhật về việc bổ sung, sửa đổi luật, chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các hiệp định thương mại để kịp thời tận dụng lợi thế về thuế để đẩy mạnh xuất khẩu, chủ động theo dõi các diễn biến chính sách thương mại để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất và xuất khẩu của Công ty cho phù hợp.





**CÁC YẾU TỐ RỦI RO  
(tiếp theo)**

“ ”

Rủi ro đặc thù

Rủi ro khác

» Rủi ro đặc thù

Rủi ro từ lĩnh vực bất động sản

• **Rủi ro về pháp lý dự án**

Pháp lý tốt giúp Tổng Công ty vượt qua giai đoạn bất khả kháng như đại dịch và phát triển bền vững. Pháp lý rõ ràng sẽ hỗ trợ cho tính thanh khoản cho sản phẩm; trong trường hợp không thanh khoản ngay được tại thị trường thì Tổng Công ty vẫn tìm được các phương án phù hợp để tạo tính thanh khoản, hỗ trợ quá trình đầu tư. Do đó, với định hướng mở rộng phát triển các dự án bất động sản, Tổng Công ty cần có đội ngũ tư vấn pháp lý hoặc hợp tác với các công ty tư vấn Luật uy tín để rà soát pháp lý các hợp đồng, dự án một cách chặt chẽ, chính xác.

• **Rủi ro về tài chính và tín dụng**

Thông tư 22/2019/TT-NHNN, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục siết mạnh đối với cho vay bất động sản khi chính thức đưa ra lộ trình giảm dần tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn. Cụ thể, từ 1/1/2020 đến năm 2022, tỷ lệ này sẽ giảm từ 40% xuống còn 30%. Đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước còn tăng hệ số rủi ro khi kinh doanh bất động sản từ 150% lên 200%. Trong bối cảnh thị trường bất động sản tăng nhanh như hiện nay, việc siết chặt tín dụng bất động sản sẽ giúp hạn chế dòng vốn chảy mạnh vào lĩnh vực này, hạn chế rủi ro về thanh khoản và nâng cao an toàn chung của hệ thống tín dụng.

Thông tư này gây khó khăn rất lớn đối với đại đa số các doanh nghiệp bất động sản nói chung và Tổng Công ty nói riêng. Bởi để thực hiện một dự án, doanh nghiệp phải bỏ ra chi phí rất lớn từ khâu giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục, trả các khoản nợ, lãi vay và các chi phí quản lý doanh nghiệp, quản lý dự án.

• **Rủi ro đền bù giải pháp mặt bằng**

Hiện nay, phần lớn đất quy hoạch cho các dự án khu đô thị, khu công nghiệp đều là đất đã có chủ sở hữu, vì vậy việc giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp. Đồng thời, khung giá đất năm 2020 tăng cao gây sức ép lớn đối với các dự án bất động sản sắp xây. Giải phóng mặt bằng càng chậm dẫn đến nguy cơ khoản đền bù cao, từ đó làm gia tăng chi phí và giảm năng lực cạnh tranh của Công ty. Đây là rủi ro lớn mà Tổng công ty cần phải đối mặt và cần có những giải pháp hợp lý trước khi triển khai các dự án bất động sản.

Rủi ro hoạt động đầu tư góp vốn

Hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết nên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến Tổng Công ty. Kết quả của việc đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết là cổ tức hoặc lợi nhuận được chia hay thậm chí là các khoản lỗ.

Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh là cách sinh lời hiệu quả trên con đường dài hạn của ngành đầu tư tài chính, đem lại lợi nhuận lớn nhưng cũng mang lại nhiều rủi ro cho Tổng Công ty. Đồng thời, nếu Tổng công ty đầu tư vào những ngành với suất đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn lâu cùng với nhiều đơn vị thành viên hoạt động chưa hiệu quả,... sẽ tạo nên áp lực về nợ vay và dòng tiền cho Tổng Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Tổng Công ty cần có những chiến lược quản lý danh mục đầu tư hiệu quả, từ đó, tối đa hóa lợi nhuận cuối cùng của Công ty.



» Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít khi xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty. Trong năm 2020, tình hình dịch bệnh, bão lũ, xâm nhập mặn,... diễn biến phức tạp gây nhiều tác động xấu đến nền kinh tế và xã hội tại Việt Nam. Vì vậy, để giảm thiểu các tổn thất không đáng có, Tổng Công ty đã mua các gói bảo hiểm cho tài sản, hàng hóa, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, biện pháp cứu nạn, cứu hộ, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động.





## 2

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- 34 Tình hình tài chính
- 38 Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 39 Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng của chủ sở hữu
- 43 Tổ chức và nhân sự



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư tài chính vào Công ty con, Công ty liên kết với 3 lĩnh vực là nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ:



**Nhóm ngành  
nông nghiệp**

Tổng Công ty đầu tư trồng và chế biến mủ cao su tại Lào thông qua Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào (tỷ lệ sở hữu: 50,5%).



**Nhóm  
dịch vụ**

Tổng Công ty đang sở hữu 3 sân golf tại Bình Dương với tổng diện tích là 414 ha ; khu công nghiệp 500 ha với tỷ lệ lấp đầy là 85%. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn sở hữu 24% cổ phần của Bệnh viện đa khoa quốc tế Hạnh Phúc với quy mô 260 giường; sở hữu 30% cổ phần của CTCP YCH – Protrade chuyên cung cấp dịch vụ logistics.



**Nhóm ngành  
công nghiệp**

- Đối với thị trường xuất khẩu: Tổng Công ty sở hữu 48,89% cổ phần của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương chuyên sản xuất áo sơ mi, quần jean, quần âu; sở hữu 30,9% cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Vượng chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% vào thị trường Châu Âu,..
- Đối với thị trường nội địa: Tổng Công ty sở hữu 30% cổ phần trong liên doanh FrieslandCampina Việt Nam chuyên cung cấp sữa và các sản phẩm từ sữa; sở hữu 100% cổ phần của Công ty TNHH MTV Vĩnh Phú chuyên sản xuất bao bì và các sản phẩm từ giấy.

Ngoài ba lĩnh vực kinh doanh chính, Tổng Công ty cũng đầu tư vào CTCP Thương mại và Tổng hợp Thuận An kinh doanh xăng dầu tại thị xã Thuận An, Bình Dương. Với kinh nghiệm hoạt động hơn 38 năm, Tổng Công ty sẽ vận dụng những thế mạnh sẵn có nhằm nắm bắt cơ hội của thị trường tiếp tục triển khai, phát triển bền vững các mảng kinh doanh hiện nay.

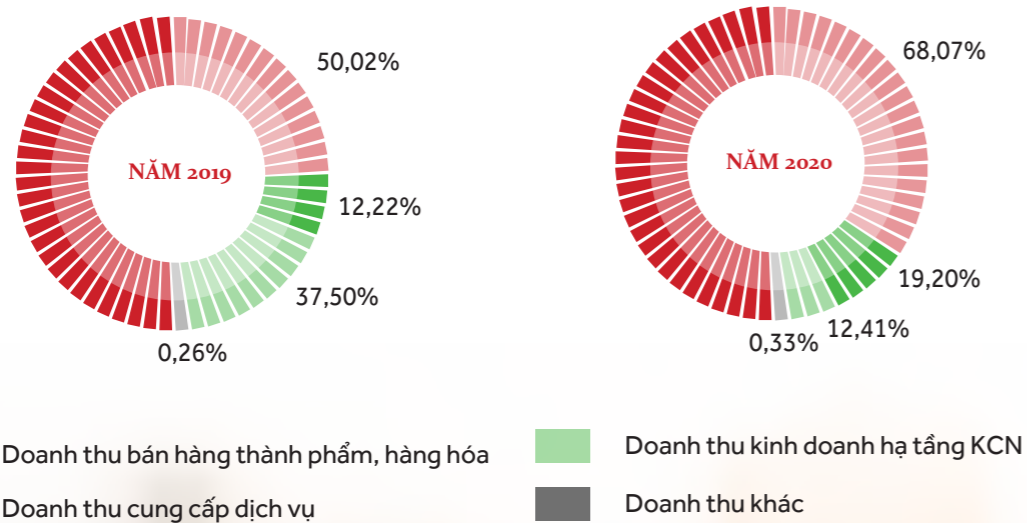


## CƠ CẤU DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

ĐVT: triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	837.774	655.303
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	204.657	184.787
3	Doanh thu kinh doanh hạ tầng KCN	628.083	119.451
4	Doanh thu khác	4.351	3.136
<b>Tổng doanh thu</b>		<b>1.674.866</b>	<b>962.677</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2020



Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các Tổng Công ty và Công ty con, Công liên kết, theo đó, tổng doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty giảm 42,52% so với cùng kỳ năm 2019, tương đương với mức giảm 962,68 tỷ đồng.

Trong năm, doanh thu từ bán hàng thành phẩm và hàng hóa vẫn tiếp tục là nguồn thu chính của Tổng Công ty khi đóng góp đến 68,07% tổng doanh thu. Tiếp theo đó là hoạt động cung cấp dịch vụ và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp với mức đóng góp lần lượt là 19,20% và 12,41%. Các hoạt động kinh doanh khác của Tổng Công ty có tỷ lệ đóng góp không đáng kể trong cơ cấu tổng doanh thu năm 2020.

### Mảng bán hàng thành phẩm và hàng hóa

Đây là mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty với nguồn thu năm 2020 đạt 655,30 tỷ đồng, chủ yếu thu từ hoạt động sản xuất giấy, bao bì, may mặc của Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An và Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú.

### Mảng cung cấp dịch vụ

Đây là mảng kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu với mức đóng góp gần 19,20% trong cơ cấu tổng doanh thu. Nguồn thu năm 2020 từ mảng kinh doanh này được ghi nhận là 184,79 tỷ đồng, chủ yếu thu từ hoạt động kinh doanh của các Công ty như: Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An, Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé và Công ty TNHH MTV Quốc tế Protate.

Tổng Công ty đã và đang đầu tư vào hoạt động kinh doanh dịch vụ sân Golf, tuy chưa thực sự sôi động và chỉ đóng góp phần nhỏ doanh thu nhưng tiềm năng phát triển của ngành tại Bình Dương rất lớn. Hiện nay, Tổng Công ty sở hữu cổ phần ba sân golf tại Bình Dương với tổng diện tích 414 ha, trong đó sân golf Palm Sông Bé (100%), sân golf Phú Mỹ - Twin Doves (35%) và sân golf Tân Thành - Harmonie (30%). Nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng đối với dịch vụ sân golf, Tổng Công ty đang triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4-5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao cấp, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm quốc tế. Đây được xem là động lực giúp gia tăng nguồn thu từ mảng kinh doanh này trong thời gian tới.

### Mảng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp

Đây là một trong những mảng kinh doanh chính của Tổng Công ty, luôn đóng góp nguồn thu lớn vào tổng doanh thu trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, dưới tác động của tình hình dịch bệnh, nhu cầu về bất động sản khu công nghiệp sụt giảm khiến nguồn thu từ mảng này giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019 khi ghi nhận giá trị 119,45 tỷ đồng, giảm 508,63 tỷ đồng, chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh dịch vụ cho thuê hạ tầng tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade. Khu công nghiệp Quốc tế Protrade có diện tích 500 ha, nằm trong tổng diện tích hơn 1.350 ha của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây, thị xã Bến Cát.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,17	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,79
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	44,25	37,73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	79,36	60,58
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,64	1,13
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,29	0,16
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần	%	17,98	44,79
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%	9,52	10,70
Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản	%	5,31	6,66
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	24,44	43,84

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN

Trong năm 2020, được sự chấp thuận chủ trương của HĐQT Tổng Công ty, Ban TGD đã tiến hành hoàn tất thủ tục mua lại 10,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào từ Công ty Cổ phần Hưng Vượng.



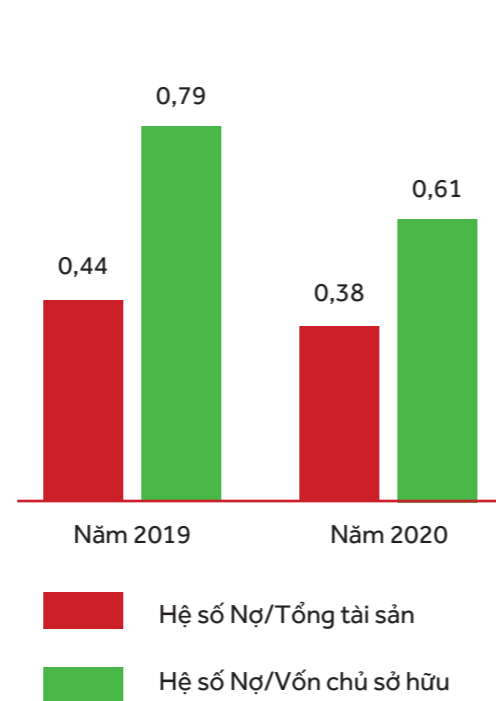


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)



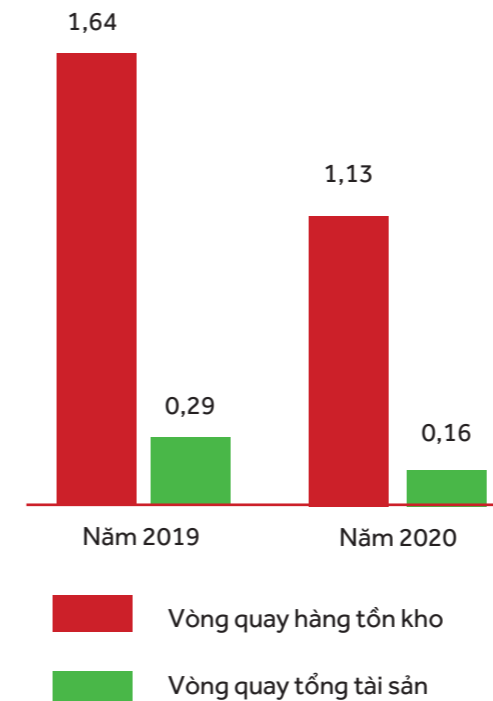
### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán năm 2020 có sự biến động nhẹ so với năm trước, cụ thể: Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2020 lần lượt đạt 1,8 lần và 0,79 lần, tăng 0,01 lần và giảm 0,3 lần so với giai đoạn trước.



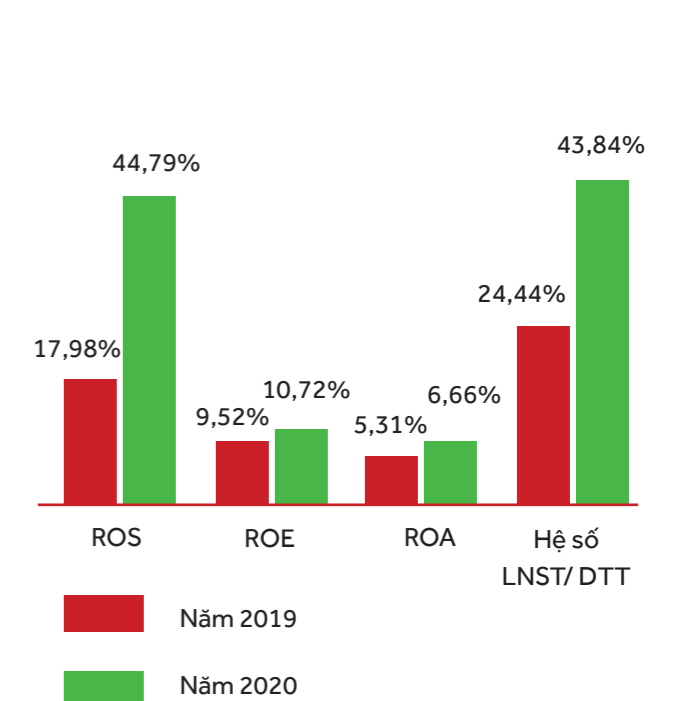
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Tổng Công ty năm vừa qua biến động nhẹ so với năm 2019, khi hệ số Nợ/ Tổng tài sản đạt mức 0,38 lần; hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu năm 2019 đạt 0,61 lần. Qua đó cho thấy Tổng Công ty luôn đảm bảo các chỉ tiêu về cơ cấu vốn ở mức an toàn.



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2020, các hệ số về năng lực hoạt động của Tổng Công ty có xu hướng giảm so với năm 2019; cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đạt 1,13 vòng và vòng quay tổng tài sản đạt 100,7 vòng. Nguyên nhân của biến động trên là do giá vốn hàng bán và doanh thu thuần giảm trong khi giá trị tổng tài sản tăng và hàng tồn kho giữ ở mức ổn định.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2020, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh và đạt 431 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 43,67%, điều này làm cho các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lợi của Công ty tăng so với năm 2019. Cụ thể, các hệ số ROS, ROE, ROA và hệ số LN từ HĐKD trên DTT lần lượt là 44,79%, 10,70%, 6,66% và 43,84%. Từ các số liệu mang tính tích cực trên, Công ty vẫn đang duy trì mức sinh lời ổn định. Trong thời gian tới, khi các chiến lược kinh doanh và quyết định đầu tư bắt đầu được nghiên cứu và triển khai, các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trưởng.



## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

- » **Tổng số cổ phiếu đã phát hành** : 300.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 300.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- » **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>320</b>	<b>299.999.000</b>	<b>99,9997%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	182.927.400	60,9758%
2	Cổ đông tổ chức	10	106.352.715	35,4509%
3	Cổ đông cá nhân	309	10.718.885	3,5730%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>1.000</b>	<b>0,0003%</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>321</b>	<b>300.000.000</b>	<b>100%</b>

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có
- Các chứng khoán khác : Không có





## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CHỦ SỞ HỮU



### Quản lý nguồn nguyên liệu

Tổng Công ty luôn khuyến khích, hướng dẫn và chỉ đạo các Công ty con, Công ty liên kết chú trọng đến việc quản lý nguồn nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu các nguy cơ gây hại cho môi trường tự nhiên và cộng đồng dân cư thông qua các hành động cụ thể như sau:

- » Khuyến khích sử dụng các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, có thể tái chế và tái sử dụng.
- » Chú trọng kiểm soát chất lượng nguồn cung nguyên vật liệu thông qua việc lựa chọn các đối tác có uy tín, từ đó Tổng Công ty và các Công ty Con, Công ty liên kết có thể tránh rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng trực tiếp giảm chất lượng, sản phẩm thành phẩm, ảnh hưởng đến cuộc sống và sức khỏe người tiêu dùng,...

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và kiểm tra định kỳ việc thực hiện xử lý chất thải, rác thải, nguồn nước nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường.

### Tiêu thụ năng lượng

Với định hướng phát triển bền vững, Protrade rất chú trọng vấn đề sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng. Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm không chỉ giúp Tổng Công ty giảm thiểu chi phí hoạt động hằng năm mà còn góp phần giảm tác động của việc ô nhiễm môi trường. Trong các năm vừa qua, Tổng Công ty đã thực hiện rất nhiều biện pháp tiết kiệm điện năng hiệu quả như:

- + Kiểm tra định kỳ tình hình bố trí điện và mạng lưới điện nhằm hạn chế nguy cơ cháy nổ và tránh rủi ro tổn thất điện năng.
- + Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng và rút nguồn các thiết bị điện không cần thiết.
- + Cải tiến hệ thống chiếu sáng bằng việc thay thế các thiết bị chiếu sáng cũ và sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng, tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên và không khí mát tự nhiên thông qua việc mở rộng cửa sổ, lắp kính,... Đồng thời, việc nâng cấp hệ thống điện khác bằng các thiết bị hiện đại và tiết kiệm điện năng cũng rất được coi trọng.
- + Thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên và người lao động sử dụng hiệu quả và tiết kiệm điện năng, từ đó xây dựng thói quen và văn hóa tiết kiệm điện năng tại Tổng Công ty.



### Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Nhằm mục tiêu phát triển bền vững, Tổng Công ty xác định rõ trách nhiệm duy trì và bảo vệ "mảng xanh" của môi trường và khu dân cư. Từ đó, Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn Tổng Công ty thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của nhân viên và người lao động; tiến hành triển khai chương trình Giờ trái đất và đẩy mạnh nhiều chiến dịch, chính sách tiết kiệm năng lượng khác.

Ngoài ra, Tổng Công ty luôn chủ động kiểm tra định kỳ việc thực hiện xử lý rác thải, nước thải; tuân thủ đúng và nghiêm ngặt các quy định, các văn bản luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện tốt công tác trên và không bị xử lý vi phạm quy định về môi trường.







## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CHỦ SỞ HỮU



### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty luôn hướng về cộng đồng với mong muốn đóng góp một phần trách nhiệm, chung tay góp phần phát triển cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn cho người dân. Thêm vào đó, Tổng Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về thuế, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế theo đúng thời gian quy định của Nhà Nước.

Trong nhiều năm qua, Tổng Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua việc góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động tại địa phương; tích cực thực hiện các hoạt động hỗ trợ xã hội, từ thiện, trao học bổng,...

### Chính sách liên quan đến người lao động

+ Số lượng người lao động của Tổng Công ty là:

**48**

+ Mức lương trung bình: đồng/người/tháng.

**22.400.000**

Tổng Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp; là nơi tất cả nhân viên và người lao động sẵn sàng phát huy tối đa tiềm năng của bản thân, cùng đồng tâm hiệp lực góp sức vì mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

Tổng Công ty luôn đề cao công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự thông qua các buổi trao đổi, chia sẻ, các hội thảo chuyên ngành,... nhằm khuyến khích cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động tự tìm tòi, học hỏi, trau dồi và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ của bản thân, từ đó góp phần nâng cao chất lượng và năng lực của lực lượng lao động, hướng đến thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tổng Công ty.

Bên cạnh những chế độ và chính sách phù hợp, nhằm tạo động lực và duy trì sự gắn bó của từng nhân viên và người lao động, Tổng Công ty đề cao việc tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, các hoạt động thể thao, vui chơi ý nghĩa,...

Bên cạnh đó, Tổng Công ty luôn chú trọng đến đời sống tinh thần và vật chất của cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động thông qua các hành động thiết thực sau:

+ Quy định rõ ràng về các chính sách phúc lợi, lương thưởng của cán bộ nhân viên. Công việc được phân công một cách rõ ràng, cụ thể và phù hợp với năng lực mỗi cá nhân; đồng thời, các quy chế lương thưởng được chuẩn hóa theo từng vị trí công việc, năng lực, hiệu quả lao động của từng cá nhân nhằm đảm bảo tính phù hợp, công bằng và minh bạch.

+ Luôn quan tâm đến sức khỏe người lao động thông qua việc trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ bảo hộ lao động cho cán bộ nhân viên; thường xuyên tổ chức kiểm tra, thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Ngoài ra, Tổng Công ty còn thường xuyên phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ,...



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



## DANH SÁCH HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

Tính đến thời điểm 31/12/2020, danh sách HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Hà Văn Thuận	Chủ tịch HĐQT	12/06/2020
2	Lý Thanh Châu	Thành viên HĐQT	26/10/2018
3	Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT	31/07/2019
4	Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT	12/06/2020
5	Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT	26/10/2018
6	Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT	31/07/2019
7	Nguyễn Văn Thiển	Thành viên HĐQT	26/10/2018
8	Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	26/10/2018
9	Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	26/10/2018
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Nguyễn Thế Sự	Trưởng Ban kiểm soát	26/10/2018
2	Phan Ngọc Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	26/10/2018
3	Lê Văn Minh	Thành viên Ban kiểm soát	12/06/2020
<b>III</b>	<b>Ban điều hành</b>		
1	Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	16/04/2020
2	Lý Thanh Châu	Phó Tổng Giám đốc	26/10/2018
3	Nguyễn Mai Khánh Trinh	Giám đốc Tài chính	01/11/2018
4	Nguyễn Hồng Anh	Giám đốc Nhân sự - Hành chính	01/11/2018
5	Huỳnh Hữu Hùng	Giám đốc Phát triển dự án	01/11/2018
6	Đỗ Thị Thanh Thúy	Kế toán trưởng	01/11/2018



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông HÀ VĂN THUẬN

Chủ tịch HĐQT

**Ngày sinh:** 13/11/1970

**Nơi sinh:** Thành phố Hồ Chí Minh

**Địa chỉ thường trú:** 101a đường Bình Thới, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Quá trình công tác:

03/1999 - 01/12/2016: Chuyên viên, phó phòng, trưởng phòng Phong Tài chính - Kế hoạch Thuận An tỉnh Bình Dương;

07/2016 - 12/2016: Đại biểu HĐND Thị xã Thuận An nhiệm kỳ 2016 - 2021;

12/2016 - 2020: Phó Giám đốc Sở Tài chính Bình Dương;

30/06/2020 đến nay: Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý Dự án Bình Dương;

6/2020 - nay: Chủ tịch Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương.

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:

Không có

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



### Ông LÝ THANH CHÂU

Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 26/02/1982

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** C92A, khu phố Bình Đức 1, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### Quá trình công tác:

2004 - 2006: Nhân viên phòng Tài chính - kế toán Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương TNHH MTV;

2006 - 2008: Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp và Dịch vụ Bình Dương;

2008 - 2014: Kế toán trưởng Công ty TNHH Ascendas - Protrade (nay là Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade);

2014 - 11/2018: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV;

11/2018 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX - XNK Bình Dương - CTCP.

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:

Không có

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.200 cổ phần



### Ông NGUYỄN AN ĐỊNH

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 27/07/1977

**Nơi sinh:** Tuyên Quang

**Địa chỉ thường trú:** Căn hộ Newhorizon-Becamex center, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

#### Quá trình công tác:

1999-2000: Kế toán Công ty TNHH Chấn Kiệt (Chaki Co.,ltd);

2000-2001: Kế toán trưởng Công ty Liên Doanh Phú Diệu;

2001-09/2003: Kế toán trưởng Công ty TNHH Chean Yuan Việt Nam tại Khu công nghiệp Đồng An;

09/2003-12/2006: Kế toán trưởng Xí nghiệp Cao su Bến Cát;

01/2007-10/2016: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát;

10/2016-4/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý dự án Bình Dương;

4/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

#### Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:

Chủ tịch HĐQT CTCP May mặc Bình Dương;

Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade;

Thành viên CTCP Thương mại Thuận An.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 112.633 cổ phần





## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông TRẦN HỒNG KHÔI**  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 26/6/2979

**Nơi sinh:** Long An

**Địa chỉ thường trú:** A80C, đường Bình Nhâm 18, KP Bình Hòa, Phường Bình Nhâm, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

11/2005 – 12/1006: Chuyên viên Sở Bưu chính – Viễn Thông tỉnh Lon An;  
01/2007 – 03/1012: Thanh tra viên, Phó Chánh thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Long An;  
04/2012 – 08/2013: Nhân viên Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV;  
09/2013 – 10/2018: Phó Phòng Hành chính Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV;  
11/2018 đến nay: Trưởng Phòng Hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Trưởng phòng hành chính Công ty TNHH MTV Đầu tư & Quản lý Dự án Bình Dương.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.500 cổ phần



**Ông VÕ HỒNG CƯỜNG**  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 02/09/1965

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 679, tổ 84, Nguyễn Tri Phương, Khu 9, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

1986 – 2004: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến gỗ 3/2;  
2004 -11/2018: Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CTCP Hưng Vượng;  
11/2018 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hưng Vượng;  
Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH sân golf Palm Sông Bé;  
Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Phát Triển Tân Thành.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**Ông TRẦN VIỆT ANH**  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 15/09/1978

**Nơi sinh:** Hưng Yên

**Địa chỉ thường trú:** 275, tổ 19, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**Quá trình công tác:**

2000 – 2001: Cán bộ nghiên cứu tại Viện khoa học Việt Nam;  
2001 – 2003: Trưởng phòng ISO tại Công ty TNHH Liwayway;  
2003 – 2012: Chuyên gia tư vấn Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ;  
2012-2016: Phó Văn phòng HĐQT, GD nhân sự, PGĐ Khối GS&QLRR tại Ngân hàng TMCP Việt Á;  
2012-2016: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản VAB;  
05/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (Công viên Văn hóa Đầm Sen);  
09/2018 đến nay: Tổng giám đốc Công ty cổ phần SAM Holdings.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Chủ tịch HĐQT CTCP Phú Hữu Gia;  
Thành viên HĐQT CTCP Địa ốc Sacom;  
Tổng giám đốc CTCP Dây và Cáp Sacom;  
Chủ tịch HĐQT CTCP Sacom - Tuyển Lâm.

**Chức vụ tại tổ chức niêm yết khác:**

Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ;  
Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đất Xanh;  
Thành viên HĐQT CTCP Công viên nước Đầm Sen;  
Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi;  
Tổng Giám đốc CTCP SAM Holdings;  
Thành viên HĐQT CTCP Sametel.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**Ông NGUYỄN VĂN THIỀN**  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 31/12/1957

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 72/3, KP1, Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

1976 – 1977: Công nhân khảo sát địa hình Sở Thủy lợi Sông Bé;  
1977 – 1979: Sinh viên Trường Trung học Thủy lợi 3 Mỹ Tho – Tiền Giang;  
1979 – 1990: Phó Trưởng phòng Phòng Nông Lâm Thủy Lợi Tx. Thủ Dầu Một;  
1990 – 1996: Phó Giám đốc Xí nghiệp Điện Nước Nhà ở và Công trình công cộng;  
1996 – 2003: Giám đốc Công ty Cấp nước Sông Bé;  
2003 – 2016: Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương;  
2016 - 11/2018: Chủ tịch HĐQT, CTCP Nước – Môi trường Bình Dương;  
11/2018 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 1.500.000 cổ phần, tương đương 0,50% VDL



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông MAI HỮU TÍN**  
Thành viên HĐQT

**Ngày sinh:** 27/08/1969

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 254/2 Thích Quảng Đức, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

12/1988 – 08/1992: Phiên dịch Tiếng Anh Liên hiệp Cty XNK Sông Bé;  
08/1992 – 11/1992: Giám đốc Điều hành Công ty May sòng Bé;  
12/1992 – 05/1993: Đại diện Thương Mại VPĐD Công ty Nidera;  
06/1993 – 09/1994: Giám đốc Điều hành Công ty Phi Long;  
10/1994 – 08/1995: Giám đốc Điều hành Công ty CP Hoàng Gia;  
09/1995 – 08/1998: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH TOA;  
09/1998 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư U&I;  
11/2018 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư U&I.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**Ông LÊ TRỌNG NGHĨA**  
Thành viên HĐQT độc lập

**Ngày sinh:** 27/09/1990

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** 266/16 Đại Lộ Bình Dương, Tổ 3, Khu 2, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

06/2013 – 11/2015: Nhân viên phòng tài chính – kế toán Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương TNHH MTV;  
12/2015 – 11/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành;  
12/2017 – 05/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành;  
05/2020 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần





## GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



**Ông NGUYỄN THẾ SỰ**  
Trưởng Ban Kiểm soát

**Ngày sinh:** 1978

**Nơi sinh:** Quảng Ngãi

**Địa chỉ thường trú:** 10/B Khu tập thể Công ty SX-XNK Bình Dương, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

2000 – 2006: Nhân viên phòng TC-KT, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;  
2000 – 2006: Kế toán trưởng, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;  
2010 – 11/2018: Kiểm soát viên, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;  
11/2018 – nay: Trưởng ban kiểm soát Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Không có

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 6.700 cổ phần



**Ông PHAN NGỌC HANH**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh:** 1979

**Nơi sinh:** TP. HCM

**Địa chỉ thường trú:** Số 4/19/2A, Đường số 3, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

2015 – nay: Kế toán trưởng, CTCP Hưng Vượng;  
11/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Kế toán trưởng CTCP Hưng Vượng.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



**Ông LÊ VĂN MINH**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh:** 09/05/1975

**Nơi sinh:** Khánh Hòa

**Địa chỉ thường trú:** 7A đường Linh Đông, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

1999 – 2000: Kế toán viên Công ty TNHH MERA;  
2000 – 2003: Kế toán trưởng Công ty TNHH MERA;  
2003 – 2004: Kế toán trưởng Công ty Sáng Tạo(CREAD);  
2005 – 2006: Chuyên viên tư vấn Triển Khai phần mềm quản trị DN (ERP) - Công ty CP Định Gia NÉT (DIGINET);  
2006 – 2008: Giám đốc Tài chính Công ty CP Tập đoàn Khai Toàn (KTG);  
2008 – 2010: Giám đốc Tài chính Công ty CP Thời trang Việt (VFC);  
2010 – 2014: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH YUJIN VINA;  
2015 – 2016: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH MASTERBATCH Việt Nam;  
2016 – 2017: Tổng Giám đốc Công ty ECI Saigon;  
2017 – 2019: Giám đốc Tài chính Công ty CP TĐ KNG Trường Thành.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**

Phó Giám đốc Tài chính Công ty CP SAM Holdings.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần



## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông NGUYỄN MAI KHÁNH TRÌNH**  
Giám đốc Tài chính

**Ngày sinh:** 02/7/1984

**Nơi sinh:** Khánh Hòa

**Địa chỉ thường trú:** Đường Hoàng Diệu, Phường 8, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

2006 – 2008: Trợ lý kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán RSM Việt Nam;  
2008 – 2013: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;  
2013 – 2014: Phó phòng Kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Vaco;  
2014 – 2015: Trưởng bộ phận Doanh thu Công ty cổ phần Hàng không Vietjet;  
2015 – 11/2018: Chuyên viên phòng TC-KT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – TNHH MTV;  
11/2018 – nay: Giám đốc tài chính Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTC.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**  
Không có

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.200 cổ phần



**Ông HUỖNH HỮU HÙNG**  
Giám đốc Phát triển dự án

**Ngày sinh:** 27/3/1979

**Nơi sinh:** Quảng Nam

**Địa chỉ thường trú:** Đường Đỗ Nhuận, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Quá trình công tác:**

2002 – 2004: Cán bộ kỹ thuật, Công ty Vận tải và Xây dựng Công trình giao thông  
2004 – 2011: Phó phòng QLDA, CTCP Tư vấn thiết kế và Xây dựng CIDECO;  
2011 – 11/2018: Phó Giám đốc Ban đầu tư QLDA, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương;  
11/2018 – nay: Giám đốc Phát triển dự án, Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**  
Không có

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 11.300 cổ phần



**Ông NGUYỄN HỒNG ANH**  
Giám đốc Nhân sự - Hành chính

**Ngày sinh:** 06/06/1968

**Nơi sinh:** Thừa Thiên – Huế

**Địa chỉ thường trú:** Đường 3/2, KP. Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

2004 – 2006: Trưởng phòng NS – HC Công ty may mặc Bình Dương;  
2006 – 2016: Giám đốc NS – HC Công ty may mặc Bình Dương;  
2016 – 11/2018: Giám đốc NS – HC Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV;  
11/2018 – nay: Giám đốc NS – HC Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**  
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Thuận An

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 5.000 cổ phần



**Bà ĐỖ THỊ THANH THÚY**  
Kế toán trưởng

**Ngày sinh:** 05/11/1985

**Nơi sinh:** Bình Dương

**Địa chỉ thường trú:** Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Tổ 3, Khu phố 9, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

**Quá trình công tác:**

2005 – 2017: Nhân viên phòng TC-KT Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương;  
2017 – 11/2018: Kế toán trưởng Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương - TNHH MTV;  
11/2018 - nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương - CTCP.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty khác:**  
Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Thuận An.

**Số cổ phiếu cá nhân sở hữu:** 6.100 cổ phần

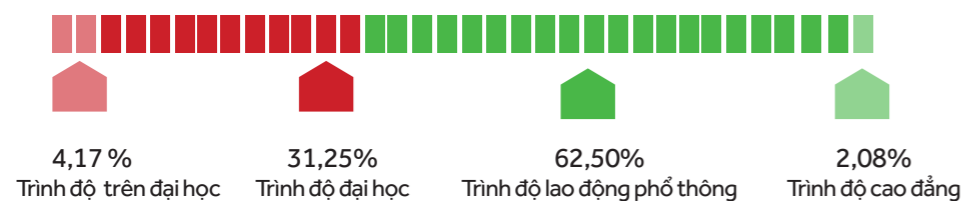
- Ông NGUYỄN AN ĐỊNH – Tổng Giám đốc (Xem lại phần lý lịch Hội Đồng Quản Trị);
- Ông LÝ THANH CHÂU – Phó Tổng Giám đốc (Xem lại phần lý lịch Hội Đồng Quản Trị);



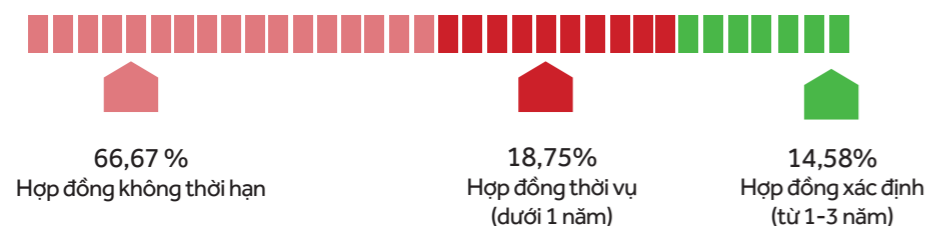
## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ trên đại học	2	4,17%
2	Trình độ đại học	15	31,25%
3	Trình độ cao đẳng	1	2,08%
4	Trình độ lao động phổ thông	30	62,50%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>		
1	Hợp đồng không thời hạn	32	66,67%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	9	18,75%
3	Hợp đồng xác định (từ 1-3 năm)	7	14,58%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	33	68,75%
2	Nữ	15	31,25%

### Theo trình độ lao động



### Theo hợp đồng lao động



### Theo giới tính



## THU NHẬP BÌNH QUÂN

Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
2019	88	24.313.090
2020	48	22.400.000

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### Chính sách tuyển dụng

Với phương châm “nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự thành bại của Doanh nghiệp”, Tổng Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, tập trung đổi mới, nâng cấp, bổ sung hệ thống chính sách nhân sự nhằm phát triển nguồn nhân lực, thu hút nhân tài gia nhập và gắn bó lâu dài với Tổng Công ty. Theo đó, hàng năm, Tổng Công ty luôn đề ra kế hoạch tuyển dụng phù hợp với nhu cầu công việc, kế hoạch hoạt động đã đề ra.

### Chính sách đào tạo

Nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Tổng Công ty luôn có những chính sách đào tạo cán bộ nhân viên hợp lý, bài bản về cả chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm khác. Tại Tổng Công ty, toàn thể cán bộ nhân viên đều được đào tạo ngay từ khi gia nhập, được trau dồi kỹ năng và thoải mái phát huy năng lực tiềm ẩn của bản thân, điều này không chỉ giúp mỗi các nhân người lao động phát triển bản thân mà còn giúp chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao.

### Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Tổng Công ty luôn cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động. Trong nhiều năm qua, Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của Luật lao động như: xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên; trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty luôn chú trọng việc xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, an toàn, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ nhân viên được an tâm làm việc, đoàn kết, đồng tâm hiệp lực vì mục tiêu chung – đưa Tổng Công ty ngày càng vững mạnh. Tổng Công ty rất chú trọng việc xây dựng chính sách khen thưởng công bằng, xứng đáng đối với cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc trong công tác.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng luôn duy trì các chính sách an toàn lao động (nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị làm việc, phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động cần thiết) và phúc lợi khác nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.





# 3

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 59 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 60 Tình hình tài chính
- 64 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 65 Kết hoạch phát triển trong tương lai
- 68 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty





## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm qua, nền kinh tế thế giới có nhiều biến động nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 bùng phát từ cuối năm 2019 và kéo dài đến hết năm 2020. Tình hình sức khỏe, an toàn của công dân toàn cầu bị ảnh hưởng trầm trọng, từ đó gián tiếp gây áp lực lên sức khỏe nền kinh tế trên toàn thế giới, buộc hàng loạt quốc gia phải đóng cửa, đẩy kinh tế thế giới lâm vào suy thoái. Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi những biến động này, tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo đúng đắn và kịp thời của Chính phủ trong Công tác phòng chống dịch bệnh, nước ta được xem là điểm sáng trong bức tranh kinh tế âm toàn cầu khi GDP đạt 2,91%, CAGR đạt 6,75%. Mặc dù chịu ảnh hưởng thấp hơn so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, song các kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chịu nhiều ảnh hưởng từ biến động này, trong đó có Tổng Công ty Sản xuất – xuất nhập khẩu Bình dương – Công ty cổ phần.

Đồng thời, các đơn vị thành viên của Tổng Công ty với ngành nghề kinh doanh trong 03 lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ cũng đối mặt với sự suy giảm nguồn thu từ giãn cách xã hội, khi vừa phải phòng chống dịch bệnh, vừa phải duy trì lực lượng lao động đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh. Với những định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị cùng sự quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên, Tổng Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau: lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 421,49 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế và lãi cơ bản trên cổ phiếu của Tổng Công ty được ghi nhận lần lượt là 430,68 tỷ đồng và 1.398 đồng, bằng 246,96% và 241,87% so với kế hoạch năm 2020.

ĐVT: triệu đồng

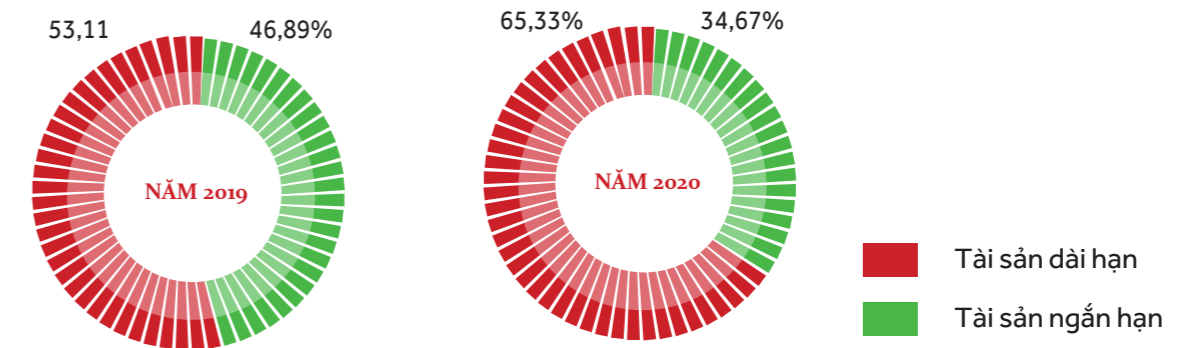
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH2020/KH2020
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.389.356	961.523	69,21%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.767	97.122	36,41%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	207.405	421.488	203,22%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.766	447.383	208,31%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	174.392	430.683	246,96%
	-Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	1.099	2.205	200,65%
	-Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ	173.293	428.478	247,26%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu - EPS (ĐVT: đồng)	578	1.398	241,87%

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	2.659.680	46,89%	2.241.391	34,67%
Tài sản dài hạn	3.013.024	53,11%	4.223.195	65,33%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.672.705</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.464.586</b>	<b>100,00%</b>



Tổng tài sản của Tổng Công ty tăng liên tục trong giai đoạn 2018 – 2020 và đạt 6.465 tỷ đồng, tăng 13,96% so với năm 2019, trong đó có sự biến động đối lập giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

Trong năm, Tổng Công ty gia tăng khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 727 tỷ đồng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 2,9% đến 3%/năm. Mặt khác, Tổng Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản phải thu từ việc hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Đầu tư và Phát triển Tân Thành, đồng thời việc, thực hiện điều khoản Hợp đồng đảm bảo giá trị ngoại tệ tương lai giữa Tổng Công ty và CTCP Hưng Vượng đã tác động giảm tài sản ngắn hạn cả Tổng Công ty. Theo đó, tài sản ngắn hạn giảm 15,73% xuống còn 2.241 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn tăng 40,16% lên 4.223 tỷ đồng, chủ yếu do Tổng Công ty thực hiện hợp nhất kinh doanh với Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào làm gia tăng giá trị tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang dài hạn.





## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

### TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

ĐVT: ngàn đồng

Tài sản cố định hữu hình	31/12/2020		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	967.819	504.526	52,13%
Máy móc, thiết bị	151.807	64.106	42,23%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	134.604	59.143	43,94%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.223	777	14,87%
TSCĐ khác	18.433	3.111	16,88%
Vườn cây lâu năm	1.030.720	917.840	89,05%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.308.606</b>	<b>1.549.502</b>	<b>67,12%</b>

### TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

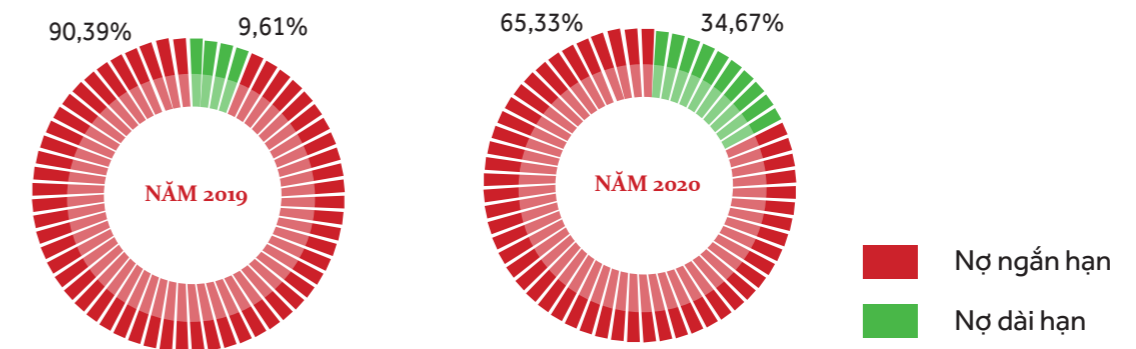
ĐVT: ngàn đồng

Tài sản cố định vô hình	31/12/2020		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	713.871	636.942	89,22%
Phần mềm kế toán	4.023	1.185	29,45%
<b>Tổng cộng</b>	<b>717.894</b>	<b>638.127</b>	<b>88,89%</b>

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ phải trả	2.509.953	44,25%	2.438.922	37,73%
+Nợ ngắn hạn	2.268.677	39,99%	1.904.288	29,46%
+Nợ dài hạn	241.276	4,25%	534.634	8,27%
Vốn chủ sở hữu	3.162.751	55,75%	4.025.664	62,27%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>5.672.705</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.464.586</b>	<b>100,00%</b>



#### Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của Tổng Công ty năm 2020 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, giảm 2,83%, chủ yếu do nợ ngắn hạn đã giảm 16,06% xuống còn 1.904 tỷ đồng. Trong đó, khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là 151 tỷ đồng, giảm hơn một nửa so với năm 2019, điều này cho thấy được áp dụng về chi phí lãi vay của Tổng Công ty đang giảm dần.

Mặt khác nợ dài hạn lại có xu hướng tăng, chủ yếu đến từ khoản mục thuế thu nhập hoãn lại phải trả trị giá 211 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 85,16% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên nợ dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nợ phải trả nên không có tác động đáng kể.

#### Vốn chủ sở hữu

Trong năm, kết quả hoạt động kinh doanh khả quan với lợi nhuận sau thuế đạt hơn 431 tỷ đồng đã giúp khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng 336 tỷ đồng, đồng thời với sự tăng trưởng trong khoản mục quỹ đầu tư và phát triển đã dẫn đến giá trị nguồn vốn chủ sở hữu năm 2020 đạt 6.465 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 27,28% so với năm 2019.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



### Quy chế nội bộ

- Xây dựng và hình thành văn hóa doanh nghiệp đối với Tổng Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty phù hợp với trình độ quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, công khai, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, tổ chức đánh giá nhân viên theo định kỳ.
- Xây dựng quy chế tuyển dụng lao động, bảng mô tả công việc theo từng chức danh và chuẩn hóa hệ thống mẫu biểu sử dụng trong Tổng Công ty.

### Đào tạo nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo chuyên môn các kỹ năng về quản lý vốn đầu tư, quản trị doanh nghiệp, quản lý dự án đầu tư.
- Xây dựng chiến lược dài hạn phát triển nguồn nhân lực.

### Áp dụng công nghệ mới vào quản trị nội bộ

- Nâng cấp, cập nhật thường xuyên, nhanh chóng trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý công việc trong Tổng Công ty.

### Quản lý và sử dụng đất đai

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để nhanh chóng đưa vào khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đặc biệt chú trọng tới các dự án có lợi thế về địa lý và môi trường kinh doanh.
- Quy hoạch tổng thể và chi tiết các dự án đầu tư gắn liền với quy hoạch sử dụng đất, ưu tiên quy hoạch phát triển các ngành nghề kinh doanh chính và có hiệu quả nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Tổng Công ty.

### Quản trị tài chính

- Rà soát định kỳ các định mức chi phí, chú trọng tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty.
- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý tài chính, thường xuyên tăng cường công tác quản lý, bảo toàn phát triển vốn và tài sản.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người lao động.



# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 CỦA CÔNG TY MẸ VÀ HỢP NHẤT



## Kế hoạch tổng quát

- Thực hiện theo đúng Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định về quản trị doanh nghiệp trong điều hành và các hoạt động của Tổng Công ty.
- Tập trung cao độ cho công tác đấu thầu, lập kế hoạch và phân công hợp lý. Tập trung nguồn lực để thi công nhằm đạt và vượt mục tiêu đề ra.
- Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và dịch vụ, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để tăng khả năng cạnh tranh.
- Đảm bảo hoàn thành và bàn giao các công trình đã cam kết với chủ đầu tư. Tiếp tục giải quyết dứt điểm công tác quyết toán các công trình còn tồn đọng.
- Tăng cường kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi. Đồng thời có biện pháp tích cực để thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi. Tổ chức điều hành quản lý chi theo hướng, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện cắt giảm các khoản chi không cần thiết.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

STT	Lĩnh vực hoạt động	ĐVT	Năm 2021
<b>Công ty mẹ</b>			
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.000.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	411.771
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	237.756
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	237.756
<b>Hợp nhất</b>			
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	3.000.000
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.105.741
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	325.610
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	284.431
5	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6%



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
LIÊN QUAN ĐẾN

## TRÁCH NHIỆM

### VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

#### »» Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục phát huy truyền thống tương thân tương ái của Tổng Công ty thông qua các hoạt động đóng góp cho cộng đồng tại địa phương như:

- + Duy trì các hoạt động tài trợ quỹ học bổng, quỹ khuyến học, giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh;
- + Phối hợp với Công đoàn tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội, từ thiện, tình nghĩa, thực hiện tốt tinh thần lá lành đùm lá rách.

#### »» Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Song song với sự phát triển nhanh chóng của các khu Công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp,... môi trường đang dần bị ô nhiễm nghiêm trọng, điển hình là sự biến đổi về khí hậu và hệ sinh thái. Nhận thấy được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường tự nhiên đối với cuộc sống và sức khỏe của con người, bên cạnh nỗ lực phát triển kinh doanh, Tổng Công ty đã chú trọng đẩy mạnh việc tuyên truyền đến từng cán bộ nhân viên, người lao động, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về môi trường, dần thay đổi các thiết bị tiết kiệm năng lượng, mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm thân thiện với môi trường,...

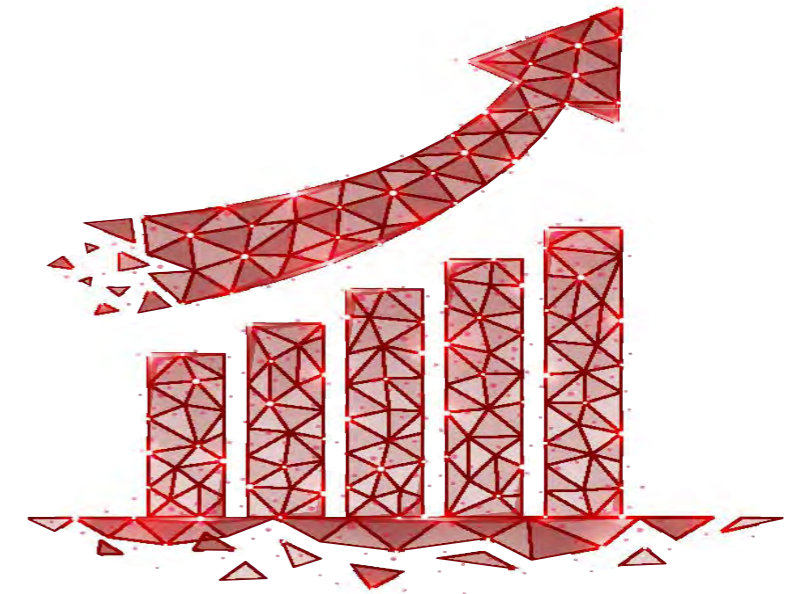
#### »» Đánh giá vấn đề liên quan đến người lao động

Nhận thấy người lao động là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của Tổng Công ty, chính sách lương thưởng của người lao động được Tổng Công ty xây dựng một cách phù hợp với năng suất và hiệu quả làm việc của từng cá nhân, đồng thời, Tổng Công ty đảm bảo các chính sách phúc lợi theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Tổng Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên có môi trường làm việc thoải mái, an toàn, được cống hiến và học hỏi sáng tạo, từ đó xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao, hướng đến phát triển vững mạnh trong tương lai. Đồng thời, Tổng Công ty cũng phối hợp với Công đoàn nhằm chăm sóc đời sống tinh thần cho người lao động như:

- + Tổ chức du lịch nghỉ dưỡng định kỳ mỗi năm;
- + Tổ chức thăm hỏi cán bộ nhân viên ốm đau, hiếu hỉ;
- + Trao tặng học bổng cho các con em cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn;
- + Giám sát phục vụ chất lượng bữa ăn cho người lao động, thay đổi thực đơn hàng ngày, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng phục vụ, cải thiện suất ăn cho người lao động;
- + Tổ chức thi đua thể thao văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn.







# 4

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 71 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty
- 71 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 73 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





### Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

- Việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đã mang đến cho Tổng Công ty động lực phát triển mới. Tổng Công ty đã tập trung hoạch định những chính sách và chiến lược phát triển trung, dài hạn, đánh giá các dự án của Tổng Công ty thực hiện có hiệu quả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, tiến tới hoàn thành kế hoạch đề ra năm 2021.
- Thêm vào đó, Tổng Công ty sẽ dựa trên những thế mạnh sẵn có về thương hiệu và uy tín để phát triển ngày càng vững mạnh, đồng thời liên tục đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm mang lại những dịch vụ, sản phẩm có chất lượng cao đến tay người tiêu dùng.

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công rõ ràng, các buổi họp giao ban định kỳ luôn được duy trì; quản lý và điều hành Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Hội đồng quản trị đã giao quyền cho Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty và những quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát công tác điều hành thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo trực tiếp tại các buổi họp của Hội đồng quản trị.
- Đánh giá chung: Để đạt được hiệu quả trên là do sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Việc chỉ đạo, điều hành được đảm bảo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC hợp nhất 2021	Kế hoạch BCTC riêng 2021
Tổng doanh thu thuần	1.833.930.000.000	32.933.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính	271.331.000.000	378.838.000.000
Thu nhập khác	480.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	284.431.000.000	237.756.000.000

### Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

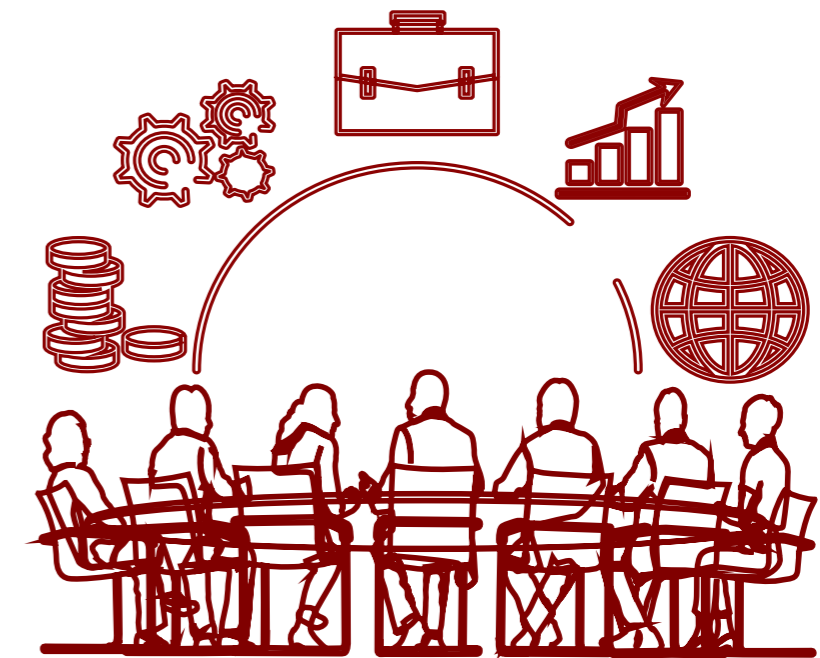
Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST
Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST
Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	2.592.000.000
Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	324.000.000
Chia cổ tức	6% VĐL



### Định hướng của HĐQT cho năm 2021

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Tổng Công ty trên thị trường với các nhà đầu tư và công chúng.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư, tiết kiệm chi phí... nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Tổng Công ty. Chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ.





# 5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 78 Hoạt động của Hội đồng quản trị
- 81 Hoạt động của Ban kiểm soát
- 83 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát





## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Hà Văn Thuận	Chủ tịch	3/3	100%	
2	Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	6/6	100%	
3	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên	3/3	100%	
4	Ông Nguyễn An Định	Thành viên	6/6	100%	
5	Ông Võ Hồng Cường	Thành viên	5/6	83%	
6	Ông Trần Việt Anh	Thành viên	5/6	83%	
7	Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên	5/6	83%	
8	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	5/6	83%	
9	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên	6/6	100%	
10	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	0/2	0%	Cơ quan CSĐT tạm giam
11	Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên	1/2	50%	Cơ quan CSĐT tạm giam



## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	21/NQ-HĐQT (Họp lần 01 năm 2020)	14/02/2020	(1) Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 (chưa kiểm toán); (2) Kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2020; (3) Phê duyệt xử lý tổn thất hàng hóa tồn kho cây cảnh các loại; (4) Phê duyệt đề nghị vay vốn cổ đông từ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Thành; (5) Thống nhất mốc thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
2	22/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 01 năm 2020)	09/03/2020	Phê duyệt việc giải thể Xí nghiệp Cơ điện lạnh 3-2 và cho thuê tài sản, máy móc thiết bị của Xí nghiệp sau khi giải thể.
3	23/NQ-HĐQT(Họp lần 02 năm 2020)	16/04/2020	Phê chuẩn việc miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời nhiệm kỳ 2018-2022 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.
4	24/NQ-HĐQT (Họp lần 02 năm 2020)	16/04/2020	Phê chuẩn việc miễn nhiệm Tổng giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và bầu Tổng giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.
5	25/NQ-HĐQT (Họp lần 02 năm 2020)	16/04/2020	Phê duyệt điều chỉnh danh sách bổ nhiệm người đại diện vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp.
6	26/NQ-HĐQT (Họp lần 03 năm 2020)	05/05/2020	Phê duyệt ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
7	27/NQ-HĐQT (Họp lần 03 năm 2020)	05/05/2020	Thống nhất báo cáo về công tác chuẩn bị và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Thống nhất dự thảo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 chờ kiểm toán; Quyết toán quỹ lương Ban điều hành và CB-CNV năm 2019; Thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Phê duyệt quỹ lương kế hoạch của Ban Điều hành và CB-CNV năm 2020; Thống nhất chọn dịch vụ tư vấn thẩm định giá trị doanh nghiệp theo thư chào bán cổ phần DTVL từ Công ty CP Hưng Vượng; Thống nhất giải quyết vấn đề Hợp đồng giao dịch chi phí đền bù đất khu Gò Chai với Công ty U&I.
8	28/NQ-HĐQT (Họp lần 03 năm 2020)	05/05/2020	Phê duyệt thông qua việc vay vốn ngắn hạn, trung dài hạn, bảo lãnh tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
9	29/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 02 năm 2020)	14/05/2020	Thông qua Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP đã được kiểm toán.
10	30/NQ-HĐQT (Họp lần 04 năm 2020)	12/06/2020	Thông qua kết quả miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	31/NQ-HĐQT (Họp lần 04 năm 2020)	12/06/2020	(1) Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch năm 2020; (2) Thông qua báo cáo của ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020; (3) Thông qua báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020; (4) Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022; (5) Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019; (6) Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; (7) Thông qua Tờ trình Thông báo thù lao đã chi trả HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020; (8) Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương – CTCP.
12	32/NQ-HĐQT (Họp lần 05 năm 2020)	27/08/2020	(1) Thống nhất báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2020 so với kế hoạch năm 2020; (2) Thống nhất thay đổi người đại diện vốn của Tổng Công ty tại Công ty YCH-Protrade; (3) Thống nhất báo cáo của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT về tình hình hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020; Thống nhất tiếp tục thực hiện nghị quyết của HĐQT về việc thẩm định giá trị cổ phần của Bệnh viện Hạnh Phúc do Công ty CP Hưng Vượng nắm giữ, giao Ban TGD Tổng Công ty đánh giá và trình HĐQT quyết định.
13	33/NQ-HĐQT (Họp lần 05 năm 2020)	27/08/2020	Thống nhất gia hạn thu tiền từ việc hủy hợp đồng mua 4% cổ phần của Công ty Tân Thành từ Công ty CP Hưng Vượng.
14	34/NQ-HĐQT (Họp lần 05 năm 2020)	27/08/2020	Thống nhất thay đổi nhân sự Ban Thư ký của Hội đồng quản trị.
15	35/NQ-HĐQT (Họp lần 06 năm 2020)	28/10/2020	(1) Thống nhất thông qua các báo cáo kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2020 và ước thực hiện kết quả hoạt động SXKD quý 4/2020 và cả năm 2020; (2) Thống nhất gia hạn thời gian bổ nhiệm người đại diện vốn tại Công ty CP May Mặc Bình Dương đối với Ông Nguyễn Hồng Anh (đại diện 48,89% vốn của Tổng Công ty) (3) Thống nhất phê duyệt cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Tân Thành vay vốn cổ đông bổ sung hoạt động kinh doanh là 74.000.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 9,25%/năm.
16	36/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 03 năm 2020)	13/11/2020	Thông qua việc mua lại 10,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào, với giá mua từ 11.000 đồng/ cổ phần trở xuống từ Công ty Cổ phần Hưng Vượng. Giao Ban Tổng giám đốc công ty đàm phán với Công ty Cổ phần Hưng Vượng mua lại cổ phần nêu trên và tiến hành các thủ tục mua lại cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.
17	37/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 04 năm 2020)	04/12/2020	Thống nhất giao Ban TGD Tổng công ty trao đổi với Công ty CP Hưng Vượng để thống nhất mua cổ phần Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào với mức giá 12.500 đồng/cổ phần và giao Ban TGD tiến hành các thủ tục mua lại cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.
18	38/NQ-HĐQT (Lấy ý kiến bằng văn bản lần 05 năm 2020)	14/12/2020	Phê duyệt phê duyệt cho Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP chi trả tạm ứng 80% thù lao năm 2020 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP theo tờ trình số 160/TCCTY, ngày 16/11/2020.



# HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

## Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Thế Sự	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Ông Phan Ngọc Hanh	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Ông Lê Văn Minh	Thành viên BKS	0/1	0%	Do bị bệnh

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.

## Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Tổng Công ty.

Trong công tác quan hệ cổ đông, HĐQT phân công thành viên đảm trách việc liên hệ với cổ đông và thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Tổng Công ty đến với các cổ đông qua báo chí, website Tổng Công ty; công bố thông tin, gửi email, điện thoại...

Các cuộc họp HĐQT đều triệu tập đầy đủ các thành viên HĐQT, BKS và hầu hết đều tham dự. Tài liệu được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo thông báo mời họp.

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ của HĐQT để triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT; theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua các báo cáo, văn bản gửi cho HĐQT.

Tất cả các thành viên HĐQT, Ban điều hành Tổng Công ty đều có kinh nghiệm và đã tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty, tuân thủ đầy đủ cả quy định của pháp luật về quản trị Công ty đại chúng.

HĐQT cũng chỉ đạo, đôn đốc Thư ký HĐQT công bố các thông tin đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.





## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2020

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (ĐVT: đồng)
1	Ông Hà Văn Thuận	Chủ tịch HĐQT	100.780.157
2	Ông Nguyễn An Định	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	880.177.323
3	Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên HĐQT	67.186.772
4	Ông Võ Hồng Cường	Thành viên HĐQT	115.177.323
5	Ông Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT	115.177.323
6	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	115.177.323
7	Ông Mai Hữu Tín	Thành viên HĐQT	115.177.323
8	Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	115.177.323
9	Ông Nguyễn Văn Minh	(*)	71.985.827
10	Ông Lý Thanh Châu	(*)	955.177.323
11	Ông Trần Nguyên Vũ	(*)	342.536.006
12	Ông Huỳnh Thanh Hải	(*)	"
13	Ông Đinh Công Hoàng	(*)	"

(\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc đã miễn nhiệm trong năm 2020.



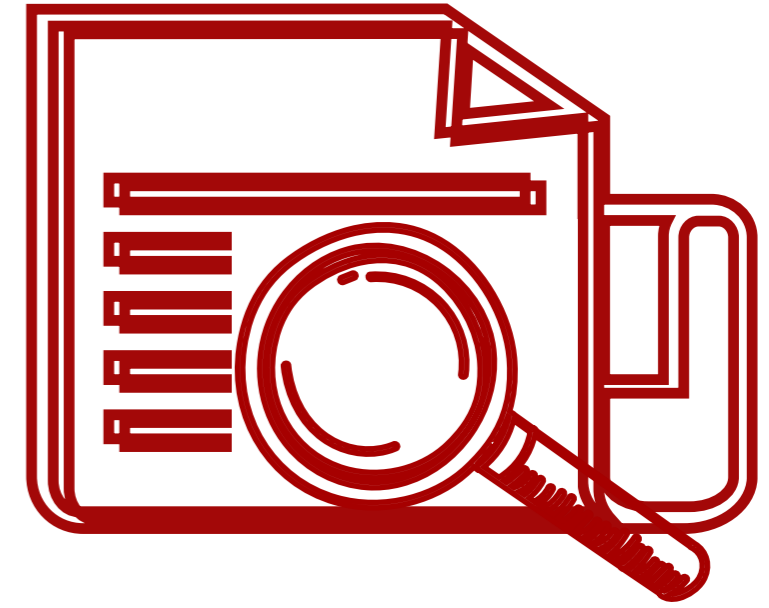
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Tổng Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Tổng Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Tổng Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Tổng Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Tổng Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





**6**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**





**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 65
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 65

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**TỔNG CÔNG TY**

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 22 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Văn Thuận	Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ ngày 12/06/2020
Ông Lý Thanh Châu	Chủ tịch/Thành viên	- Bỏ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 16/04/2020 - Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 12/06/2020
Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch/Thành viên	- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT từ ngày 16/04/2020 - Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT từ ngày 12/06/2020
Ông Trần Hồng Khôi	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 12/06/2020
Ông Võ Hồng Cường	Thành viên	
Ông Nguyễn An Định	Thành viên	
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 12/06/2020
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên	
Ông Lê Trọng Nghĩa	Thành viên độc lập	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 16/04/2020
Ông Lê Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 26/01/2021
Ông Trần Nguyên Vũ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2020
Ông Lý Thanh Châu	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 26/01/2021



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Ngọc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 26/01/2021
Ông Nguyễn Thế Sự	Thành viên	Miễn nhiệm chức danh Trưởng ban từ ngày 26/01/2021
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 12/06/2020
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 12/06/2020

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the text: "M.S.D.N. 3700148166 - C.T.C.P.", "TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG", "CÔNG TY CỔ PHẦN", and "TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG". A blue ink signature is written over the stamp, and the name "Nguyễn An Định" is printed below it.





Số: 070421.005 /BTC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo nội dung tại Thuyết minh số 09 và 43b của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thời điểm 31/12/2020, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú với số tiền là 87,986 tỷ đồng. Đây là phần chênh lệch tăng thêm do tính lại đơn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đất 43 ha thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị 125,694 tỷ đồng mà Tổng Công ty đã tạm nộp vào tài khoản của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2019. Trong đó, số tiền 37,708 tỷ đồng tương ứng 30% của Tổng Công ty đã được Tỉnh ủy Bình Dương xác nhận giảm trừ công nợ phải trả khác, số tiền còn lại 87,986 tỷ đồng tương ứng với 70% Tổng Công ty đang theo dõi phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú trên khoản mục Phải thu khác. Khoản xử lý này liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa, Tổng Công ty đã và đang đàm phán với các đối tác để xử lý dứt điểm khoản công nợ này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ và giao dịch có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

05  
TY  
HỮU  
M T O  
SC  
M-TP

- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 45a của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến việc chuyển giao đất và hủy hợp đồng chuyển giao đất đối với Công ty TNHH Phát Triển đã được Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố cho giai đoạn Nhà nước trước khi cổ phần hóa. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết để đưa ra ý kiến về tính chính xác của các giao dịch hủy hợp đồng và điều chỉnh hồi tố vào giai đoạn trước cổ phần hóa nêu trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 45b của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến việc chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình, đến thời điểm 31/12/2020, Tổng Công ty đang trình bày khoản phải thu liên quan đến hợp đồng bồi thường kinh phí đất và chuyển giao đất phát sinh trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần với số tiền là 60 tỷ đồng. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Với các bằng chứng đã thu thập được, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo nội dung trình bày tại thuyết minh số 45c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong giai đoạn trước cổ phần hóa, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng quyền thực hiện dự án Khu quy hoạch Gò Chai cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I theo chủ trương chấp thuận của Tỉnh ủy Bình Dương và đang theo dõi khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I số tiền 204,512 tỷ đồng (thuyết minh số 6). Ngày 22/07/2020, các bên đã có biên bản thống nhất phương án hủy hợp đồng về chuyển nhượng quyền thực hiện dự án nêu trên sau khi có phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, Tỉnh ủy Bình Dương vẫn chưa có quyết định chính thức về vấn đề này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng không thể đánh giá được tính phù hợp của giao dịch và số dư phải thu có liên quan, cũng như ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Liên quan đến giao dịch góp vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành như trình bày tại thuyết minh số 43c của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết để khẳng định giá trị và tính chính xác của giao dịch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành và việc tính lãi tiền ứng vốn liên quan. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
- Theo thông tin được trình bày tại thuyết minh số 43d và số 47 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với nguyên lãnh đạo chủ chốt của Tổng Công ty liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước trong giai đoạn trước cổ phần hóa. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán tuy nhiên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về các nội dung sau:

- Thông tin về khoản nợ tiềm tàng đang được Tổng Công ty trình bày tại thuyết minh số 44 của bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tổng Công ty đang trình bày giá trị bất động sản đầu tư nắm giữ với mục đích chờ tăng giá là quyền sử dụng đất có tổng giá trị 78 tỷ đồng tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 10.547 m<sup>2</sup> theo nội dung tại thuyết minh số 15 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Bất động sản đầu tư này được mua trước giai đoạn Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vẫn chưa hoàn tất thủ tục sang tên chủ sở hữu cho Tổng Công ty.



- Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, Chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về việc không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản phải thu tiền nhận chuyển nhượng cổ phần đã thực hiện do hủy hợp đồng từ các đối tác với giá trị tại thời điểm 31/12/2019 là 867,713 tỷ đồng. Trong năm 2020, Tổng Công ty đã thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu này, thông tin chi tiết tại mục a, thuyết minh số 43.
- Theo nội dung tại thuyết minh số 46 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đang trình bày nội dung liên quan đến số liệu quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Cụ thể căn cứ vào Biên bản thẩm tra ngày 26/07/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, cơ quan chủ quản là Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 216-TB/VPTU ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Trong đó, một số nội dung chưa thống nhất sẽ được Tổng Công ty tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, nếu có thay đổi sẽ được xem xét điều chỉnh vào giá trị khoản phải nộp ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (đơn vị có thẩm quyền phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty) vẫn đang lấy ý kiến tham mưu của các sở ngành liên quan và vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC  
Phó Tổng Giám đốc



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Lê Kim Yến

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0550-2018-002-1

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.241.391.213.900</b>	<b>2.659.680.333.974</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	04	<b>817.692.930.503</b>	<b>219.263.132.224</b>
111	1. Tiền		90.692.930.503	155.763.132.224
112	2. Các khoản tương đương tiền		727.000.000.000	63.500.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	05	<b>29.500.000.000</b>	<b>17.400.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		29.500.000.000	17.400.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>615.490.278.842</b>	<b>1.595.150.867.965</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	176.698.282.364	154.893.314.374
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	8.207.045.323	42.769.625.801
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	08	240.640.336.255	43.867.650.647
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	09	190.516.813.665	1.360.478.066.392
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(572.198.765)	(6.857.789.249)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	11	<b>740.050.444.706</b>	<b>794.812.387.310</b>
141	1. Hàng tồn kho		754.025.467.894	815.293.911.147
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.975.023.188)	(20.481.523.837)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>38.657.559.849</b>	<b>33.053.946.475</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	4.384.841.522	2.428.107.063
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		16.275.096.035	12.628.066.697
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	17.997.622.292	17.997.772.715
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.223.194.657.868</b>	<b>3.013.024.252.329</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>532.191.710.662</b>	<b>530.555.414.362</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	06	264.512.681.143	269.512.681.143
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	07	12.338.000.000	14.313.000.000
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn	08	117.243.151.713	117.243.151.713
216	4. Phải thu dài hạn khác	09	138.097.877.806	129.486.581.506
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.187.628.934.556</b>	<b>964.338.928.391</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.549.502.096.187	433.987.648.297
222	- Nguyên giá		2.308.605.757.253	947.403.262.281
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(759.103.661.066)	(513.415.613.984)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	638.126.838.369	530.351.280.094
228	- Nguyên giá		717.893.629.370	586.123.163.370
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(79.766.791.001)	(55.771.883.276)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	15	<b>174.001.245.669</b>	<b>89.184.082.952</b>
231	- Nguyên giá		176.823.842.859	91.619.797.031
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.822.597.190)	(2.435.714.079)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	12	<b>233.237.648.638</b>	<b>133.215.428.521</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		23.241.631.677	11.620.815.837
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		209.996.016.961	121.594.612.684
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	05	<b>899.212.171.770</b>	<b>1.091.347.000.821</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		897.310.438.970	1.090.842.000.821
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.901.732.800	505.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>196.922.946.573</b>	<b>204.383.397.282</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	196.922.946.573	204.383.397.282
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.464.585.871.768</b>	<b>5.672.704.586.303</b>



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.438.922.113.635</b>	<b>2.509.953.207.008</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.904.288.477.855</b>	<b>2.268.676.890.350</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	32.619.286.108	20.583.839.760
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	48.067.125.342	123.206.008.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	18.082.670.158	66.741.398.627
314	4. Phải trả người lao động		26.328.591.295	17.198.043.656
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	459.907.908.174	446.484.259.275
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	12.310.794.568	8.899.705.086
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	1.145.336.238.241	1.123.716.827.628
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	150.725.768.831	455.139.734.507
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.910.095.138	6.707.073.811
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>534.633.635.780</b>	<b>241.276.316.658</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	20	23.011.417.972	25.817.114.964
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	66.778.502.877	66.266.397.298
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	232.403.008.162	34.000.000.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38	211.445.706.769	114.197.804.396
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	995.000.000	995.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.025.663.758.133</b>	<b>3.162.751.379.295</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	25	<b>4.025.663.758.133</b>	<b>3.162.751.379.295</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		11.949.349.305	11.949.349.305
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(35.469.525.274)	(35.469.525.274)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	26	10.193.697.775	33.142.773.580
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		45.088.685.544	19.148.979.372
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		473.421.504.824	114.566.630.623
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		75.187.623.760	(108.378.856.523)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		398.233.881.064	222.945.487.146
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		520.480.045.959	19.413.171.689
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.464.585.871.768</b>	<b>5.672.704.586.303</b>

Người lập

Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Khánh Trinh

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn An Định

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	962.677.072.202	1.674.865.526.929
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29	1.153.617.782	850.141.295
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		961.523.454.420	1.674.015.385.634
11	4. Giá vốn hàng bán	30	864.401.899.968	1.274.630.973.760
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.121.554.452	399.384.411.874
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	189.959.102.851	44.419.299.524
22	7. Chi phí tài chính	32	22.102.262.771	94.971.098.585
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.876.922.963	93.213.307.979
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		278.975.094.297	216.116.378.060
25	9. Chi phí bán hàng	33	24.884.366.311	40.849.293.019
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	97.580.689.240	114.977.399.390
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		421.488.433.278	409.122.298.464
31	12. Thu nhập khác	35	26.914.830.504	8.730.350.843
32	13. Chi phí khác	36	1.020.600.620	2.048.116.562
40	14. Lợi nhuận khác		25.894.229.884	6.682.234.281
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		447.382.663.162	415.804.532.745
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	37	6.962.318.962	51.718.685.565
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38	9.737.133.881	63.023.066.800
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		430.683.210.319	301.062.780.380
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		428.478.087.521	298.228.594.567
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.205.122.798	2.834.185.813
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	1.398	966

Người lập

Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Khánh Trinh

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn An Định



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố  
Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		447.382.663.162	415.804.532.745
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		70.838.989.204	70.832.968.804
03	- Các khoản dự phòng		(12.792.091.133)	13.475.432.595
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.753.396.488)	355.591.026
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(469.272.282.469)	(258.442.287.252)
06	- Chi phí lãi vay		14.876.922.963	93.213.307.979
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.280.805.239	335.239.545.897
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.170.179.191.007	(411.899.179.924)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		61.550.778.260	58.700.911.026
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(71.653.041.282)	77.483.114.324
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		22.913.222.387	27.397.862.169
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.475.394.099)	(94.827.254.615)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(51.960.421.602)	(69.762.868.066)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.039.023.420)	(50.528.071.738)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.152.796.116.490	(128.195.940.927)
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(58.717.732.043)	(53.829.337.344)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	812.150.668
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(213.100.000.000)	(43.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.227.314.392	25.830.470.340
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(78.045.126.752)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	203.015.040.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		251.806.321.723	329.148.785.622
28	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(93.829.222.680)	461.577.109.286
33	1. Tiền thu từ đi vay		52.229.400.917	1.484.185.704.507
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(509.869.135.424)	(1.843.845.970.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.836.512.000)	(29.475.728.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(460.476.246.507)	(389.135.993.493)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		598.490.647.303	(55.754.825.134)

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố  
Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		219.263.132.224	275.373.548.384
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(60.849.024)	(355.591.026)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	04	817.692.930.503	219.263.132.224

Người lập



Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Mai Khánh Trinh

Bình Dương, ngày 25 tháng 03 năm 2021  
  
 Tổng Giám đốc  
 Nguyễn An Định



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2020

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tiền thân của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP là Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 103728 ngày 26 tháng 11 năm 1992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 11 năm 2006. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 134/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 05 năm 2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được chuyển đổi thành Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 24 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Bình Dương. Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình TNHH Một thành viên theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3700148166 ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700148166 ngày 01 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 22 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.000.000.000.000 VND tương đương với 300.000.000 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ sân golf và hạ tầng khu công nghiệp.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Sản xuất kinh doanh giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Gia công chế tạo lắp ráp máy móc thiết bị và các loại sản phẩm từ nguyên liệu kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh vật tư, dụng cụ y tế. Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài nước;
- Kinh doanh sân golf, khách sạn và các dịch vụ du lịch giải trí;
- Chế tạo, lắp ráp các khung nhà, xưởng bằng kim loại;
- Mua bán các loại máy móc, vật tư, thiết bị, cơ khí điện lạnh và các nguyên liệu về kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Khai thác gỗ ...

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, Tổng Công ty đã giải thể Chi nhánh - Xi nghiệp Cơ điện lạnh 3/2 theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 22/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 03 năm 2020. Đồng thời, do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên dẫn đến Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 712,49 tỷ đồng, tương ứng giảm 42,56% so với năm trước.

Theo nội dung tại thuyết minh số 3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty ghi nhận khoản lãi phát sinh khi hợp nhất Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào là 146,43 tỷ đồng (thuyết minh số 31) và khoản lãi do mua rẻ là 14,26 tỷ đồng (thuyết minh số 35) vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm nay. Đồng thời trong năm Tổng Công ty đã tất toán hết số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn dẫn đến khoản mục chi phí lãi vay giảm 78,3 tỷ đồng so với năm trước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là từ 12 tháng trở xuống, riêng chi phí đầu tư dự án bất động sản tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tại Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé là dự án có thời gian thực hiện vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường được phân loại là tài sản dở dang dài hạn.

**Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:**

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	KP Apparell Manufacturing Co.,Ltd	Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	Sản xuất hàng sợi, vải, may mặc
2	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ giấy
3	Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An	Tỉnh Bình Dương	62,68%	62,68%	Kinh doanh thương mại
4	Công ty TNHH Sân golf Palm Sông Bé	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ Golf
5	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	50,50%	50,50%	Trồng, khai thác, chế biến mủ cao su

**Tổng Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:**

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
2	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
3	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	Dịch vụ y tế



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

STT	Tên Công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
4	Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm từ gỗ
5	Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ logistic
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
7	Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

Trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

### 2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Khấu hao tài sản đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

**2.12 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất	44 năm

**2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



#### 2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 về hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước.

#### 2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

#### 2.17 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm nay được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

#### 2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.23 . Doanh thu

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.24 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.25 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,...được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

**2.26 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

- Tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade: Công ty được áp dụng mức thuế suất bằng 10% lợi nhuận thu được trong mười lăm năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (là năm 2007) và thuế suất bằng 20% cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm tài chính kết thúc ngày 31/10/2018) và được giảm 50% đối với thuế suất áp dụng trong chín năm tiếp theo.

- Tại Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé: Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 18% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính và mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường đối với thu nhập khác.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty hiện được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**2.28 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.29 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.30 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### 3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

#### Mua Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 7.350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào với tổng giá phí đầu tư là 91.875.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 10,5% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào đã tăng từ 40 % lên 50,5%. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý (a)	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
<b>Tài sản</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.829.873.248	-	13.829.873.248
Các khoản phải thu	36.151.265.015	-	36.151.265.015
Hàng tồn kho	31.939.525.659	-	31.939.525.659
Tài sản ngắn hạn khác	276.609.878	-	276.609.878
Tài sản cố định hữu hình (thuần)	812.267.195.443	347.246.789.591	1.159.513.985.034
Tài sản cố định vô hình (thuần)	-	131.441.672.000	131.441.672.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	141.310.617.491	(22.889.791.148)	118.420.826.343
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.396.732.800	-	1.396.732.800
Chi phí trả trước dài hạn	15.617.959.314	1.791.546.823	17.409.506.137
<b>Cộng tài sản</b>	<b>1.052.789.778.848</b>	<b>457.590.217.266</b>	<b>1.510.379.996.114</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ ngắn hạn	194.164.121.843	91.518.043.453	285.682.165.296
Nợ dài hạn	213.903.008.162	-	213.903.008.162
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>408.067.130.005</b>	<b>91.518.043.453</b>	<b>499.585.173.458</b>
<b>Tổng giá trị thuần</b>	<b>644.722.648.843</b>		<b>1.010.794.822.656</b>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			500.343.437.215
<b>Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tổng Công ty (50,5%)</b>			<b>510.451.385.441</b>
<b>Tổng giá phí của khoản đầu tư này</b>			<b>496.192.929.062</b>
Trong đó (*):			
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 40% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát (ngày 31/12/2020) (b)			404.317.929.062
Giá phí đầu tư thêm 10,5% vốn chủ sở hữu			91.875.000.000
<b>Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 35)</b>			<b>(14.258.456.378)</b>

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(a) Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý tại ngày Tổng Công ty đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào bao gồm:

- Đánh giá tăng thêm tài sản số định 347,246 tỷ đồng, tài sản thuần tăng thêm 347,246 tỷ đồng.
- Đánh giá tăng thêm giá trị của lợi thế quyền thuê đất 131,44 tỷ đồng, tài sản thuần tăng thêm 131,44 tỷ đồng.
- Đánh giá giảm chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang 22,89 tỷ đồng, tài sản thuần giảm đi 22,89 tỷ đồng.
- Đánh giá tăng thêm chi phí trả trước dài hạn 1,79 tỷ đồng, tài sản thuần tăng thêm 1,79 tỷ đồng.

(b) Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư 40% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát với giá trị tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh số 31).

### 4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	8.998.283.680	8.051.287.860
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	81.660.935.380	147.636.898.478
Tiền đang chuyển	33.711.443	74.945.886
Các khoản tương đương tiền (*)	727.000.000.000	63.500.000.000
	<b>817.692.930.503</b>	<b>219.263.132.224</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 727 tỷ đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9% - 3%/năm.



**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>29.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>17.400.000.000</b>	<b>-</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	29.500.000.000	-	17.400.000.000	-
	<u>29.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>17.400.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng có giá trị 29.500.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất từ 3,9% đến 5,3 %/năm.

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	31/12/2020			01/01/2020			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	-	43,40%	40,00%	294.737.269.609
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	90.932.800.211	35,00%	35,00%	109.016.480.414
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	351.482.783.108	30,00%	30,00%	226.551.855.672
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	107.575.990.089	27,52%	24,00%	96.565.705.023
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	16.522.190.097	30,90%	30,90%	10.019.245.002
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	48.392.390.870	30,00%	30,00%	46.983.317.135
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	147.183.514.213	41,74%	30,00%	169.169.585.952
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	135.220.770.382	48,89%	48,89%	137.798.542.014
				<u>897.310.438.970</u>			<u>1.090.842.000.821</u>

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 49.



c) Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao Su Dầu Tiếng	1.901.732.800	-	505.000.000	-
	<b>1.901.732.800</b>	<b>-</b>	<b>505.000.000</b>	<b>-</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Tỉnh Bình Dương	35,00%	35,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh sữa và nước giải khát
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc	Tỉnh Bình Dương	27,52%	24,00%	Dịch vụ y tế
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Tỉnh Bình Dương	30,90%	30,90%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm từ gỗ
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Tỉnh Bình Dương	30,00%	30,00%	Kinh doanh dịch vụ logistic
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Tỉnh Bình Dương	41,74%	30,00%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ sân golf
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	48,89%	48,89%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cơ khí Vận tải Cao Su Dầu Tiếng	Tỉnh Bình Dương	4,63%	4,63%	Kinh doanh Vận tải

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty TNHH Box - Pak	22.800.709.250	-	6.349.260.940	-
- Công ty TNHH Đông Tuấn Việt Nam	21.180.630.337	-	18.478.634.344	-
- Công ty TNHH Công Nghiệp Carbotec Việt Nam	9.680.009.275	-	9.659.870.275	-
- Các khách hàng khác	123.036.933.502	(572.198.765)	120.405.548.815	(257.789.249)
	<b>176.698.282.364</b>	<b>(572.198.765)</b>	<b>154.893.314.374</b>	<b>(257.789.249)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần An Bình <sup>(1)</sup>	60.000.000.000	-	65.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản U&I <sup>(2)</sup>	204.512.681.143	-	204.512.681.143	-
	<b>264.512.681.143</b>	<b>-</b>	<b>269.512.681.143</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>204.512.681.143</b>	<b>-</b>	<b>204.512.681.143</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 49)

<sup>(1)</sup> Đây là khoản phải thu chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tuy nhiên, vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 45b.

<sup>(2)</sup> Đây là khoản phải thu chuyển giao đất trong Khu quy hoạch Gò Chai tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 45c.

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Trung tâm Phát triển Quý đất Tỉnh Bình Dương <sup>(1)</sup>	-	-	37.061.011.021	-
- Các khách hàng khác	8.207.045.323	-	5.708.614.780	-
	<b>8.207.045.323</b>	<b>-</b>	<b>42.769.625.801</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ông Bùi Thanh Hải <sup>(2)</sup>	12.338.000.000	-	14.313.000.000	-
	<b>12.338.000.000</b>	<b>-</b>	<b>14.313.000.000</b>	<b>-</b>



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(1) Khoản tạm ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Bình Dương để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình Cụm công nghiệp An Điền, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 24/2017/HĐ-BTGPMB ngày 13/11/2017. Trong năm, do dự án không tiếp tục thực hiện nên Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã hoàn trả kinh phí bồi thường với số tiền 36.826.973.735 VND cho Tổng Công ty.

(2) Khoản ứng trước cho Ông Bùi Thanh Hải theo hợp đồng cung cấp cây cảnh và dịch vụ chăm sóc ngày 01/08/2017.

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Tân Thành <sup>(1)</sup>	61.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE <sup>(2)</sup>	8.261.484.859	-	8.297.388.748	-
- Công ty Điện lực Bình Dương <sup>(3)</sup>	1.378.851.396	-	5.570.261.899	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng <sup>(4)</sup>	170.000.000.000	-	-	-
	<b>240.640.336.255</b>	<b>-</b>	<b>43.867.650.647</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Tân Thành <sup>(5)</sup>	107.347.102.061	-	107.347.102.061	-
- Công ty Cổ phần Du lịch D&M <sup>(6)</sup>	9.896.049.652	-	9.896.049.652	-
	<b>117.243.151.713</b>	<b>-</b>	<b>117.243.151.713</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 49)	<b>346.608.586.920</b>	<b>-</b>	<b>145.644.490.809</b>	<b>-</b>

### Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn

(1) Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:

(1.1) Hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV ngày 20/03/2020 với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 9,25%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 là 11.000.000.000 VND.

(1.2) Hợp đồng vay vốn số 02/2020/HĐVV ngày 02/11/2020 với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 9,25%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 là 50.000.000.000 VND.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(2) Biên bản thỏa thuận ngày 25/10/2015 với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: USD;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 0%/năm;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương khi đáo hạn;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 là 359.038,89 USD tương đương 8.261.484.859 VND.

(3) Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản ứng vốn cho Công ty Điện lực Bình Dương ("BDC") về việc xây dựng hệ thống lưới điện 22 KV tại Khu công nghiệp An Tây theo hợp đồng số 56/HĐ-PCBD ký ngày 30 tháng 01 năm 2019 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó, việc ứng vốn sẽ không chịu lãi suất với số tiền 1.378.851.396 đồng. Công ty cấp khoản ứng vốn này cho BDC nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống lưới điện, nhờ đó thu hút thêm khách hàng thuê đất tại khu công nghiệp. Số tiền này sẽ được thanh toán dần dựa trên doanh thu mà BDC có được từ việc cung cấp điện.

(4) Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:

(4.1) Hợp đồng vay vốn số 01/HĐV/PICL-HUNG VUONG ngày 29/10/2020, với các điều khoản như sau:

- Số tiền cho vay: 120 tỷ VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 7,6%/năm;
- Thời hạn cho vay: đến 30 tháng 10 năm 2021;
- Hình thức đảm bảo: Toàn bộ 13.934.804 cổ phần của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 là 120.000.000.000 VND.

(4.2) Hợp đồng vay số SBGR-HV/2020/157/L/001 ngày 01/12/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 50 tỷ VND;
- Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
- Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 50.000.000.000 VND;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bảo lãnh bằng các tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Phát Triển bao gồm tiền và các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, bất động sản, cổ phiếu, trái phiếu và các quyền tài sản khác.

### Thông tin chi tiết về các khoản cho vay dài hạn

(5) Số dư khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các hợp đồng chi tiết sau:

(5.1) Hợp đồng vay vốn ngày 08/01/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019, với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 01/01/2020;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 là 25.847.102.061 VND.

(5.2) Hợp đồng vay vốn số 2017/HĐVV ngày 30/11/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2019, với các điều khoản như sau:

- Loại tiền: VND;
- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày 01/01/2020;
- Hình thức đảm bảo: tín chấp;
- Số dư tại ngày 31/12/2020 là 81.500.000.000 VND.



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<sup>(6)</sup> Khoản phải thu Công ty Cổ phần Du lịch D&M về cho vay triển khai các thủ tục ban đầu của dự án khu du lịch tại Mũi Né, tỉnh Bình Thuận do Công ty Cổ phần Du lịch D&M làm chủ đầu tư với lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo là tín chấp.

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Bà Nguyễn Thị Minh Châu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư	-	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.840.824.499	-	238.950.685	-
- Phải thu về tạm ứng	14.676.995.048	-	15.964.958.851	-
- Các khoản thế chấp, ký quỹ	236.729.085	-	206.729.085	-
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	28.102.456.000	-	90.000.000.000	-
- Phải thu tiền nhận chuyển nhượng cổ phần đã thực hiện do hủy hợp đồng <sup>(1)</sup>	-	-	867.713.536.000	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư - Xây dựng Tân Phú tiền chênh lệch giá chuyển nhượng khu đất 43 ha <sup>(2)</sup>	87.986.422.597	-	87.986.422.597	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng <sup>(3)</sup>	27.612.000.000	-	285.539.076.815	-
- Phải thu các cổ đông khác tiền góp vốn <sup>(4)</sup>	20.822.355.580	-	-	-
- Phải thu khác	1.239.030.856	-	6.228.392.359	-
	<b>190.516.813.665</b>	<b>-</b>	<b>1.360.478.066.392</b>	<b>(6.600.000.000)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Các khoản ký quỹ, ký cược	33.000.000	-	817.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành tiền lãi cho vay	21.396.696.984	-	12.785.400.684	-
- Phải thu Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Thành tiền lãi bổ sung theo thỏa thuận <sup>(5)</sup>	115.884.180.822	-	115.884.180.822	-
- Phải thu khác	784.000.000	-	-	-
	<b>138.097.877.806</b>	<b>-</b>	<b>129.486.581.506</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>200.360.229.936</b>	<b>-</b>	<b>687.323.198.772</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 49)

<sup>(1)</sup> Đây là các khoản phải thu do hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, trong năm Tổng Công ty đã thu hồi bằng tiền toàn bộ các khoản phải thu này. Thông tin chi tiết tại mục a, thuyết minh số 43.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<sup>(2)</sup> Thông tin chi tiết tại mục b, thuyết minh số 43.

<sup>(3)</sup> Đây là khoản Tổng Công ty phải thu Công ty Cổ phần Hưng Vượng theo hai hợp đồng đảm bảo giá trị ngoại tệ tương lai số 01/2011/PRO-PJ ngày 06/06/2011 và số 02/2011/PRO-PJ ngày 20/09/2011. Theo hai hợp đồng này, Tổng Công ty căn cứ vào tỷ giá bán USD của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh để chuyển tiền VND cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng với tổng giá trị tương đương 13.880.000,00 USD và Công ty Cổ phần Hưng Vượng sẽ đảm bảo hoàn trả lại toàn bộ số tiền USD này cũng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh tại từng thời điểm chuyển tiền ngay khi đến hạn theo Phụ lục hợp đồng ký ngày 03/11/2015. Số dư phải thu tại thời điểm 31/12/2020 là 27.612.000.000 VND tương đương với số dư nguyên tệ là 1.200.000 USD đã được thanh toán trong năm 2021.

<sup>(4)</sup> Khoản phải thu các cổ đông khác về chi hệ tiền góp vốn thành lập Công ty TNHH Chế biến Cao su Champasak, công ty con của Công ty Cổ phần Dầu Tiếng Việt Lào, theo chủ trương đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào thông qua theo Nghị quyết số 1701/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2017.

<sup>(5)</sup> Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành tiền lãi cho vay phát sinh theo Biên bản thỏa thuận số ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành, thông tin chi tiết tại mục c, thuyết minh số 43.

**10 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
+ Đối tượng khác	572.198.765	572.198.765	257.789.249	257.789.249
	<b>572.198.765</b>	<b>572.198.765</b>	<b>6.857.789.249</b>	<b>6.857.789.249</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.470.447.675	-	21.250.468.304	-
Công cụ, dụng cụ	1.985.786.028	-	2.482.113.234	-
Chi phí sản xuất kinh doanh	518.957.437.739	-	581.357.759.978	-
- Dự án Khu công nghiệp Quốc tế Protrade <sup>(*)</sup>	518.925.386.679	-	581.357.759.978	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	32.051.060	-	-	-
Thành phẩm	21.499.407.912	-	2.799.744.346	-
Hàng hoá	185.112.388.540	(13.975.023.188)	207.403.825.285	(20.481.523.837)
	<b>754.025.467.894</b>	<b>(13.975.023.188)</b>	<b>815.293.911.147</b>	<b>(20.481.523.837)</b>



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí đầu tư bất động sản nắm giữ để bán tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan	249.273.249.347	300.275.006.366
- Chi phí xây dựng	170.388.232.396	191.723.058.541
- Chi phí thiết kế và phát triển kết cấu hạ tầng	84.452.112.223	70.088.037.189
- Chi phí lãi vay vốn hóa	10.544.737.407	13.549.705.878
- Chi phí quản lý dự án	4.267.055.306	5.721.952.004
	<b>518.925.386.679</b>	<b>581.357.759.978</b>

## 12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

### a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí đầu tư dự án bất động sản tại phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	23.241.631.677	23.241.631.677	11.620.815.837	11.620.815.837
	<b>23.241.631.677</b>	<b>23.241.631.677</b>	<b>11.620.815.837</b>	<b>11.620.815.837</b>

### b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản <sup>(1)</sup>	109.622.334.449	-
- Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây <sup>(2)</sup>	64.334.566.316	64.334.566.316
- Đầu tư xây dựng sân golf Sông Bé	8.712.076.716	3.636.251.035
- Cụm công nghiệp An Điền <sup>(3)</sup>	3.059.770.722	2.473.429.879
- Quyền sử dụng đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương <sup>(4)</sup>	8.460.000.000	8.460.000.000
- Công trình nhà xưởng cho thuê	-	35.768.708.590
- Các công trình khác	15.807.268.758	6.921.656.864
	<b>209.996.016.961</b>	<b>121.594.612.684</b>

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(1) Các vườn cây cao su kiến thiết cơ bản tại Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào với tổng diện tích 722,66 ha.

(2) Tên dự án: Khu tái định cư tại Khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây;  
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;  
- Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;  
- Mục tiêu: Đầu tư khu tái định cư;  
- Quy mô: 8,8 ha;  
- Tình trạng dự án: Tổng Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất cho dự án, hiện tại đang thực hiện các thủ tục pháp lý để tách sổ và bàn giao đất cho từng hộ dân trong khu tái định cư, dự kiến hoàn thành trong năm 2021. Chi phí phát sinh lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và đầu tư cơ sở hạ tầng của dự án. Liên quan đến dự án này, sau khi hoàn tất nghĩa vụ pháp lý là cấp sổ cho các hộ dân, Tổng Công ty sẽ quyết toán với Tỉnh ủy Bình Dương về toàn bộ các giao dịch có liên quan gồm khoản tiền đã thu trước của các hộ dân được trình bày tại thuyết minh số 23 do có liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa. Do đó, số liệu này có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

(3) Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp An Điền;  
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;  
- Địa điểm: xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;  
- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng hạng mục hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp An Điền;  
- Tổng vốn đầu tư: 194.330.575.584 VND;  
- Quy mô: 7,9 ha;  
- Tình trạng dự án: hiện tại đang tạm ngưng thực hiện để Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét chủ trương hoàn đổi đất để thực hiện dự án.

(4) Tên dự án: mua đất ở xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;  
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần;  
- Địa điểm: xã Vĩnh Phú, tỉnh Bình Dương;  
- Mục tiêu: nắm giữ chờ tăng giá;  
- Quy mô: 564 m<sup>2</sup>;  
- Tình trạng dự án: Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để được cấp quyền sử dụng đất.



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Vườn cây lâu năm		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá													
Số dư đầu năm	741.048.997.208	107.398.604.397	76.903.414.549	4.903.764.457	17.148.481.670	947.403.262.281							
- Mua trong năm	-	442.565.300	1.169.584.958	33.000.000	1.294.363.636	2.939.513.894							
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	255.725.387	-	-	-	-	255.725.387							
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(21.232.200)	(7.201.050)	(1.185.000)	(595.725)	(9.772.800)	(39.986.775)							
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	226.535.285.917	44.353.204.716	59.698.383.439	286.998.014	-	1.361.593.581.599							
- Thanh lý, nhượng bán	-	(380.000.000)	(3.166.339.133)	-	-	(3.546.339.133)							
Số dư cuối năm	967.818.776.312	151.807.173.363	134.603.858.813	5.223.166.746	18.433.072.506	2.308.605.757.253							
Giá trị hao mòn lũy kế													
Số dư đầu năm	384.718.800.488	65.177.340.018	45.041.948.016	4.011.727.542	14.465.797.920	513.415.613.984							
- Khấu hao trong năm	27.068.895.747	10.000.207.106	8.365.895.664	148.376.391	866.272.235	46.449.647.143							
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(18.808.485)	(7.201.050)	(1.185.000)	(595.726)	(9.772.800)	(37.563.061)							
- Thanh lý, nhượng bán	-	(338.833.339)	(2.464.800.226)	-	-	(2.803.633.565)							
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	51.524.349.233	12.869.644.556	24.519.359.832	286.998.014	-	202.079.596.565							
Số dư cuối năm	463.293.236.983	87.701.157.291	75.461.218.286	4.446.506.221	15.322.297.355	759.103.661.066							
Giá trị còn lại													
Tại ngày đầu năm	356.330.196.720	42.221.264.379	31.861.466.533	892.036.915	2.682.683.750	433.987.648.297							
Tại ngày cuối năm	504.525.539.329	64.106.016.072	59.142.640.527	776.660.525	3.110.775.151	1.549.502.096.187							

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.529.179.815 VND
- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 45.004.511.314 VND

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm kế toán		Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	582.437.954.361	3.685.209.009	586.123.163.370		
- Mua trong năm	-	337.869.000	337.869.000		
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(9.075.000)	-	(9.075.000)		
- Tăng từ hợp nhất kinh doanh	131.441.672.000	-	131.441.672.000		
Số dư cuối năm	713.870.551.361	4.023.078.009	717.893.629.370		
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	53.387.882.129	2.384.001.147	55.771.883.276		
- Khấu hao trong năm	23.547.988.608	454.470.342	24.002.458.950		
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(7.551.225)	-	(7.551.225)		
Số dư cuối năm	76.928.319.512	2.838.471.489	79.766.791.001		
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	529.050.072.232	1.301.207.862	530.351.280.094		
Tại ngày cuối năm	636.942.231.849	1.184.606.520	638.126.838.369		







**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Số dư tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các hợp đồng tín dụng:

- 1.1 Hợp đồng tín dụng số 69/2020/HĐTD-HM/CPS ngày 12/08/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 LAK hoặc USD tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động để chăm sóc đối với diện tích cao su kinh doanh, khai thác, chế biến cao su và các chi phí hợp lý khác của phương án kinh doanh năm 2021;
  - + Thời hạn cho vay: hạn mức duy trì đến hết ngày 30/06/2021; thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: LAK 9%/năm; USD 6%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.232.466.642 LAK tương đương 7.711.284.912 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Giá trị vườn cây trên đất tại tỉnh Champasak và tỉnh Salavan, bao gồm quyền thuê đất, khai thác tài sản trên đất. Tổng giá trị bảo đảm là 255.534.570.000 LAK hoặc USD tương ứng (Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường Bachieng).
- 1.2 Hợp đồng tín dụng số 111/2020-HĐCVHM/CPS ngày 22/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 8.500.000.000 LAK hoặc USD tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: Cụ thể theo từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 6 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.695.930.000 LAK tương đương 13.380.309.163 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bao gồm các nghĩa vụ phát sinh trong Hợp đồng bảo đảm số 75/2017/HĐBĐ/CPS ngày 21/12/2017.

(2) Số dư tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các hợp đồng tín dụng:

- 2.1 Hợp đồng tín dụng số 27/2020/HĐHM-PN/SHB-410100, ngày 15/06/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5.300.000 USD hoặc LAK tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: hạn mức duy trì trong 12 tháng đến 15/06/2021; thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 08 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: LAK 9%/năm; USD 6,85%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 233.918,25 USD và 14.274.176.507 LAK, tương ứng với 38.636.832.875 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay:
    - Quyền thuê, quyền khai thác và tài sản trên đất (bao gồm vườn cây cao su, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan tại tỉnh Champasak (Nông trường 2, Đội sản xuất Bachieng, Đội sản xuất Lakhongpheng) và tỉnh Salavan;
    - Bảo lãnh của các cổ đông.
- 2.2 Hợp đồng tín dụng số 83/2020/HĐHM-PN/SHB.LAO ngày 03/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 LAK hoặc USD tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thu mua chế biến mủ cao su;
  - + Thời hạn của hợp đồng: theo từng giấy nhận nợ, thời hạn không quá 6 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.999.479.478 LAK tương đương 9.395.177.242 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền thuê, quyền khai thác gắn liền với đất và tài sản trên đất.

**Thông tin bổ sung khoản vay dài hạn**

- (3) Hợp đồng tín dụng số 08/2012/HĐTD-2012/VTB.DTRC ngày 28/09/2012, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 01 ngày 03/01/2017, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 22/06/2017, Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 22/12/2017 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05 ngày 19/04/2019 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay tối đa: 22.500.000 USD
  - + Mục đích vay: Cho vay dự án phát triển 10.000 ha cao su tại tỉnh Champasak, Salavan, Lào;
  - + Thời hạn cho vay: 21/03/2023;
  - + Lãi suất cho vay: 6.5%/năm;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tại tỉnh Champasak và giá trị vườn cây trên đất tại tỉnh Champasak, bao gồm quyền thuê đất, khai thác tài sản trên đất. Tổng giá trị bảo đảm là 255.534.570.000 LAK hoặc USD tương ứng (Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường Bachieng);
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 6.278.514 USD, tương đương 137.120.125.736 VND, trong đó dư nợ gốc USD phải trả trong năm tới là 2.100.000 USD, tương đương 45.863.123.670 VND.
- (4) Số dư tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm các hợp đồng tín dụng:
- 4.1 Hợp đồng tín dụng số 124/2013/HĐTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 20/11/2013, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-124/2019/PLHĐTD ngày 14/07/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5.200.000 USD hoặc LAK tương đương;
  - + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su và các công trình phụ trợ tại huyện Bachieng, tỉnh Champasak;
  - + Thời hạn cho vay: 122 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: quyền sử dụng đất của tại tỉnh Champasak;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 23.870.108.364 LAK tương đương 56.073.271.558 VND.
- 4.2 Hợp đồng tín dụng số 57/2019/HĐTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 29/09/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-57/2014/PLHĐTD ngày 14/07/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.125.000 USD;
  - + Mục đích vay: Tái tài trợ toàn bộ dư nợ trung dài hạn tại Ngân hàng ANZ Champasak;
  - + Thời hạn cho vay: 76 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: quyền sử dụng đất của tại tỉnh Champasak;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.057.288,8 USD và 6.588.037.636 LAK, tương ứng với 38.566.683.560 VND.
- 4.3 Hợp đồng tín dụng số 43/2014/HĐTDDH-PN/SHB-DTVL ngày 10/06/2014, phụ lục hợp đồng tín dụng số 03-43/2019/PLHĐTD ngày 06/07/2020 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.800.000 USD;
  - + Mục đích vay: chăm sóc kiến thiết cơ bản vườn cây cao su tại tỉnh Champasak;
  - + Thời hạn cho vay: 84 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: quyền sử dụng đất của tại tỉnh Champasak;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 17.174.333.997 LAK tương đương 40.344.227.992 VND.



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- 4.4 Hợp đồng tín dụng số 104/2019/HDTDTH-PN/SHB.Lao-410100 ngày 11/11/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 7.900.000.000 LAK;
  - + Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định;
  - + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: 9,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền khai thác tài sản trên đất bao gồm tài sản trên đất như dự án, các công trình xây dựng và máy móc có liên quan, gắn liền với hợp đồng thuê đất;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 4.379.925.977 LAK tương đương 10.288.884.113 VND và 5.127,38 USD tương đương 111.979.842 VND.

(5) Khoản vay của Quỹ đầu tư và Phát triển tỉnh Bình Dương, số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 31.500.000.000 đồng. Tiền gốc và lãi được trả theo quý với lãi suất là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Quốc tế Protrade. Trong đó số vay dài hạn đến hạn trả là 13.000.000.000 đồng.

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	3.483.300.000	3.483.300.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cao su Thành phố Hồ Chí Minh	6.525.556.807	6.525.556.807	-	-
- Công ty Xây dựng Chalonsay	2.651.333.247	2.651.333.247	-	-
- Công ty TNHH Trần Khang Thư	3.132.518.400	3.132.518.400	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	16.826.577.654	16.826.577.654	20.583.839.760	20.583.839.760
	<b>32.619.286.108</b>	<b>32.619.286.108</b>	<b>20.583.839.760</b>	<b>20.583.839.760</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả các bên liên quan</b>	<b>43.041.650</b>	<b>43.041.650</b>	<b>1.335.458.997</b>	<b>1.335.458.997</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 49)

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Thành Lễ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH Mocal Creative	-	65.439.449.187
- Công ty TNHH Fu Việt Nam	-	22.071.020.368
- Công ty TNHH An Chiao Molds	12.615.764.198	10.389.452.869
- Các khách hàng khác	25.451.361.144	15.306.085.576
	<b>48.067.125.342</b>	<b>123.206.008.000</b>

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phí dịch vụ tại sân golf Palm Sông Bé	12.255.794.568	8.849.705.086
- Các khoản khác	55.000.000	50.000.000
	<b>12.310.794.568</b>	<b>8.899.705.086</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Doanh thu thẻ hội viên	23.011.417.972	25.817.114.964
	<b>23.011.417.972</b>	<b>25.817.114.964</b>



**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**21 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Tăng từ hợp nhất kinh doanh		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.319.334.999	24.354.866.429	24.970.625.748	-	-	-	-	-	-	1.703.575.680	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	2.318.142.469	19.880.025.061	20.478.144.888	-	-	-	-	-	-	1.720.022.642	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.729.895.143	48.606.896.088	6.962.318.962	51.960.421.602	-	-	-	-	17.729.895.143	-	3.608.793.448	-
- Thuế thu nhập cá nhân	150.423	3.417.681.717	11.072.241.653	13.326.738.497	1.938.772.854	-	-	-	-	-	3.101.807.304	-
- Thuế tài nguyên	-	48.129.200	405.996.087	435.333.687	-	-	-	-	-	-	18.791.600	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	267.727.149	369.412.125	5.805.410.230	5.805.410.230	-	-	-	-	267.727.149	-	369.412.125	-
- Các loại thuế khác	-	9.661.802.029	693.387.651	3.922.916.890	-	-	-	-	-	-	7.560.267.359	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.428.387	2.428.387	-	-	-	-	-	-	-	-
	<b>17.997.772.715</b>	<b>66.741.398.627</b>	<b>69.176.674.460</b>	<b>120.902.019.929</b>	<b>3.066.767.423</b>	<b>17.997.622.292</b>	<b>18.082.670.158</b>					

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**22 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	-	-	-	1.256.804.469
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán <sup>(*)</sup>	125.432.958.852	-	125.432.958.852	-
- Chi phí trích trước giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	325.434.302.763	-	313.091.991.167	-
- Thương và lương tháng 13	2.497.255.000	-	2.982.056.333	-
- Chi phí phải trả khác	6.543.391.559	-	3.720.448.454	-
	<b>459.907.908.174</b>	<b>446.484.259.275</b>		

<sup>(\*)</sup> Đây là các khoản trích trước chi phí để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng tại dự án Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương lũy kế từ trước giai đoạn cổ phần hóa. Trong giai đoạn cổ phần hóa, Tổng Công ty đã bàn giao Khu công nghiệp đô thị - Dịch vụ An Tây và Khu liên hợp dịch vụ - đô thị Bình Dương với diện tích lần lượt là 1.723.267,4 ha và 1.888.953,2 ha cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương tiếp tục quản lý và khai thác dự án theo chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị chi phí trích trước còn lại tại thời điểm 31/12/2020 tương ứng với khối lượng còn lại Tổng Công ty phải thực hiện.

**23 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Kinh phí công đoàn	-	2.225.659.095	-	696.416.525
- Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	-	34.527.076.502	-	21.663.947.104
- Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	-	1.004.050.799.744	-	1.004.050.799.744
- Phải nộp 10% Ngân sách Đảng	-	91.182.771.193	-	91.182.771.193
- Cổ tức phải trả	-	-	-	1.845.552.000
- Phải trả thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	858.533.667	-	1.391.580.000
- Phải trả tiền lãi vay	-	-	-	1.341.666.667
- Phải trả khác	-	12.491.398.040	-	1.544.094.395
		<b>1.145.336.238.241</b>		<b>1.123.716.827.628</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Nhận trước tiền đất tái định cư của các hộ dân thuộc khu tái định cư An Tây <sup>(*)</sup>	-	57.266.666.667	-	56.666.666.667
- Các khoản nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	9.511.836.210	-	9.599.730.631
		<b>66.778.502.877</b>		<b>66.266.397.298</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 49)</i>		<b>1.095.233.570.937</b>		<b>1.096.575.237.604</b>



(\*) Các khoản tiền nhận trước của hộ dân mua đất tại khu tái định cư thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây. Theo phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Tổng Công ty, toàn bộ khu đất thuộc khu Công nghiệp - Dịch vụ An Tây và khu tái định cư sẽ bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương, một đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy Bình Dương. Giá trị bàn giao bao gồm cả phần đất đã nhận trước của các hộ dân này. Tuy nhiên tại thời điểm bàn giao, Tổng công ty đã tiến hành nộp các hồ sơ thủ tục giao đất cho Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương để thực hiện tách sổ cho từng hộ dân, do đó Tổng công ty tạm thời chưa thực hiện bàn giao về cho Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương. Sau khi các thủ tục tách sổ hoàn tất, Tổng công ty sẽ bàn giao toàn bộ hồ sơ có liên quan trong đó bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trình bày tại thuyết minh số 12 với số tiền 64,334 tỷ đồng, tiền nhận trước ghi nhận trên khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền 56,666 tỷ đồng và toàn bộ các nội dung này sẽ được xử lý khi quyết toán cổ phần hóa với Tỉnh ủy Bình Dương.

**24 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
	995.000.000	995.000.000
	<b>995.000.000</b>	<b>995.000.000</b>

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Vốn khác của Chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	11.949.349.305	(35.469.525.274)	27.642.585.587	12.232.060.595	18.547.352.143	2.941.763.552.750	2.834.185.813	301.062.780.380	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	6.916.918.777	(6.916.918.777)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích thù lao Hội Đồng Quản Trị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(332.688.931)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(332.688.931)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	5.832.876.924	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(39.450.230.497)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>11.949.349.305</b>	<b>(35.469.525.274)</b>	<b>33.142.773.580</b>	<b>19.148.979.372</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>3.162.751.379.295</b>	<b>114.566.630.623</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>19.413.171.689</b>	<b>3.162.751.379.295</b>



25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Vốn khác của Chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	11.949.349.305	-	(35.469.525.274)	33.142.773.580	19.148.979.372	114.566.630.623	19.413.171.689	3.162.751.379.295	2.205.122.798	430.683.210.319	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ thường ban điều hành (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	(22.949.075.805)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý đã thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	11.949.349.305	-	(35.469.525.274)	10.193.697.775	45.088.685.544	473.421.504.824	520.480.045.959	4.025.663.758.133	500.343.437.216	486.128.330.609	-	-	-	-	-

(\*) Tổng Công ty trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 06 năm 2020 của Đại hội đồng Cổ đông.

(\*\*) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký tạm trích theo mức 80% tổng mức thù lao năm 2020 theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Quản trị.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A.128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
- Công ty TNHH MTV Quản lý Dự án Bình Dương	60,98	1.829.274.000.000	60,98	1.829.274.000.000
- Công ty Cổ Phần Sam Holdings	8,00	240.000.000.000	8,00	240.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư U&I	6,00	180.000.000.000	6,00	180.000.000.000
- Công ty TNHH Phát Triển	15,00	450.000.000.000	15,00	450.000.000.000
- Cổ đông khác	10,02	300.726.000.000	10,02	300.726.000.000
	<b>100,00</b>	<b>3.000.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.000.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm 2020		Năm 2019	
	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận tại Công ty mẹ:				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.097.033.570.937	1.128.146.569.206	1.128.146.569.206	1.128.146.569.206
+ Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	1.095.233.570.937	1.128.146.569.206	-	-
+ Cổ tức phải trả cổ đông	1.800.000.000	-	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	(2.912.998.269)	(2.912.998.269)	(2.912.998.269)
+ Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	-	(32.912.998.269)	(32.912.998.269)	(32.912.998.269)
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.800.000.000	28.200.000.000	28.200.000.000	28.200.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	1.800.000.000	-	-	-
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm nay	-	28.200.000.000	28.200.000.000	28.200.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.095.233.570.937	1.097.033.570.937	1.097.033.570.937	1.097.033.570.937
+ Lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước	1.095.233.570.937	1.095.233.570.937	1.095.233.570.937	1.095.233.570.937
+ Cổ tức phải trả cổ đông	-	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của Tổng công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	45.088.685.544	19.148.979.372
	<b>45.088.685.544</b>	<b>19.148.979.372</b>



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**26 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	33.142.773.580	27.642.585.587
Số tăng trong năm	-	5.832.876.924
- Do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-
- Hợp nhất kinh doanh	-	5.832.876.924
Số giảm trong năm	(22.949.075.805)	(332.688.931)
- Do chuyển đổi báo cáo tài chính	(22.949.075.805)	(332.688.931)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.193.697.775</b>	<b>33.142.773.580</b>

**27 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số A128, đường Ba Tháng Hai, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm văn phòng Tổng Công ty và xí nghiệp. Diện tích khu đất thuê là 24.813,44 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của hợp đồng thuê.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

Các tài sản thuộc danh mục phải bàn giao về Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH Một thành viên. Chi tiết như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu	5.453.253.100	5.453.253.100
- Quyền sử dụng đất tại xã An Tây, huyện Bến Cát	1.743.153.742	1.743.153.742
- Khu tái định cư Gò Chai	52.920.317.344	52.920.317.344
- Khu tái định cư An Tây	26.726.901.367	26.726.901.367
- Vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Du lịch D&M	5.500.000.000	5.500.000.000
	<b>92.343.625.553</b>	<b>92.343.625.553</b>

Tại thời điểm 31/12/2020, một số tài sản thuộc danh mục cần thanh lý theo phương án cổ phần hóa nhưng chưa thanh lý được, Tổng Công ty đã ghi nhận giảm và đang đề nghị Tỉnh ủy Bình phê duyệt chủ trương bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương như sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất tại lô G - khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	8.303.242.573	8.303.242.573
- Chi phí đầu tư khu phức hợp Bình Dương Riverside	3.034.989.090	3.034.989.090
- Chi phí đầu tư khác	406.818.182	406.818.182
	<b>11.745.049.845</b>	<b>11.745.049.845</b>

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020	01/01/2020
- Đô la Mỹ (USD)	30.245,51	31.168,39

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**28 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	655.302.993.113	837.773.982.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ	184.787.285.420	204.657.310.909
Doanh thu kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	119.450.833.723	628.083.278.871
Doanh thu khác	3.135.959.946	4.350.955.047
	<b>962.677.072.202</b>	<b>1.674.865.526.929</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 49)	<b>20.800.000</b>	-

**29 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	1.153.617.782	850.141.295
	<b>1.153.617.782</b>	<b>850.141.295</b>

**30 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa đã bán	611.411.697.087	793.047.810.681
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	147.940.894.047	161.245.607.265
Giá vốn kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	99.728.680.400	297.557.029.064
Giá trị hàng tồn kho tồn thất trong năm	-	2.299.002.913
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.320.628.434	20.481.523.837
	<b>864.401.899.968</b>	<b>1.274.630.973.760</b>

**31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.281.744.337	43.154.730.465
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.823.500	50.633.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.395.447.598	878.276.844
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.753.396.488	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	4.614.361.741	235.173.214
Lãi đánh giá lại từ hợp nhất kinh doanh (*)	146.428.869.525	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	414.459.662	100.486.001
	<b>189.959.102.851</b>	<b>44.419.299.524</b>
Trong đó, Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 49)	<b>15.553.501.778</b>	<b>8.656.192.823</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 3.



Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

32 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	14.876.922.963	93.213.307.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.819.245.678	1.375.604.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	355.591.026
Chi phí tài chính khác	406.094.130	26.594.694
	<b>22.102.262.771</b>	<b>94.971.098.585</b>
	<b>4.710.416.665</b>	<b>5.322.916.667</b>

Trong đó, Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 49)

33 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	505.124.268	714.343.454
Chi phí nhân công	15.776.173.070	15.324.449.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	953.160.795	1.528.508.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.932.460.279	4.273.095.499
Chi phí môi giới bán hàng	377.549.463	15.009.281.684
Chi phí khác bằng tiền	1.339.898.436	3.999.614.519
	<b>24.884.366.311</b>	<b>40.849.293.019</b>

34 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	591.416.039	1.514.232.249
Chi phí nhân công	49.775.185.240	59.632.287.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.123.144.928	4.964.869.775
Thuế, phí, lệ phí	1.530.868.399	451.770.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.782.573.332	15.998.380.944
Chi phí khác bằng tiền	10.120.841.221	15.793.699.434
Hoàn nhập dự phòng	(6.285.590.484)	(7.320.091.242)
Lợi thế thương mại phân bổ	23.942.250.565	23.942.250.565
	<b>97.580.689.240</b>	<b>114.977.399.390</b>

35 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	733.633.339	-
Thu nhập từ lãi chậm thanh toán	6.817.805.173	-
Thu nhập từ thưởng, chiết khấu bán hàng	4.208.125.397	6.286.636.377
Lợi thương mại âm từ giao dịch mua giá rẻ qua hợp nhất kinh doanh (*)	14.258.456.378	-
Thu nhập khác	896.810.217	2.443.714.466
	<b>26.914.830.504</b>	<b>8.730.350.843</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 3.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

36 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ thuần từ thanh lý tài sản	37.472.501	879.454.273
Các khoản phạt	788.428.387	741.944.302
Chi phí khác	194.699.732	426.717.987
	<b>1.020.600.620</b>	<b>2.048.116.562</b>

37 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	6.962.318.962	51.718.685.565
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>6.962.318.962</b>	<b>51.718.685.565</b>

38 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	211.445.706.769	114.197.804.396
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<b>211.445.706.769</b>	<b>114.197.804.396</b>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	13.684.098.920	65.118.626.370
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.946.965.039)	(2.095.559.570)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<b>9.737.133.881</b>	<b>63.023.066.800</b>

39 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	428.478.087.521	298.228.594.567
Các khoản điều chỉnh	9.137.206.103	8.323.668.140
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	9.137.206.103	8.323.668.140
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	419.340.881.418	289.904.926.427
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	300.000.000	300.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.398</b>	<b>966</b>

(\*) Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25.







**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	455.139.734.507	34.000.000.000	-	489.139.734.507
Phải trả người bán, phải trả khác	1.144.300.667.388	66.266.397.298	-	1.210.567.064.686
Chi phí phải trả	446.484.259.275	-	-	446.484.259.275
	<b>2.045.924.661.170</b>	<b>100.266.397.298</b>	<b>-</b>	<b>2.146.191.058.468</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- + Ngày 19/11/2019, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Hưng Vượng đã ký thỏa thuận số 01/TTHĐ/PT về việc hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/PJ-PT ngày 26/11/2018 ("hợp đồng"). Theo đó, các bên đồng ý hủy bỏ toàn bộ giao dịch phát sinh từ hợp đồng và hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện thêm bất kỳ nghĩa vụ nào đã thỏa thuận tại hợp đồng. Công ty Cổ phần Hưng Vượng có trách nhiệm hoàn trả lại cho Tổng Công ty số tiền 203.015.040.000 đồng. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Hưng Vượng đã hoàn tất việc thanh toán nợ cho Tổng Công ty.
- + Ngày 21/11/2019, Tổng Công ty và Ông Đặng Công Thanh đã ký thỏa thuận số 02/TTHĐ/PT về việc hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐ ngày 26/11/2018 ("hợp đồng"). Theo đó, các bên đồng ý hủy bỏ toàn bộ giao dịch phát sinh từ hợp đồng và hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện thêm bất kỳ nghĩa vụ nào đã thỏa thuận tại hợp đồng. Ông Đặng Công Thanh đã hoàn tất việc thanh toán nợ cho Tổng Công ty số tiền 761.306.400.000 đồng. Trong năm 2020, Ông Đặng Công Thanh đã hoàn tất việc thanh toán nợ cho Tổng Công ty.

**42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) <b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	52.229.400.917	1.484.185.704.507
b) <b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	509.869.135.424	1.843.845.970.000

**43. THÔNG TIN KHÁC**

**a) Thông tin hủy các hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Thành**

Trong năm 2018, căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2018 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành thông qua các giao dịch như sau:

- + Nhận chuyển nhượng 1.920.000 cổ phần, tương ứng 4% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành từ Công ty Cổ phần Hưng Vượng, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/PJ-PT ngày 26/11/2018 với giá nhận chuyển nhượng là 105.737 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 203.015.040.000 đồng. Giao dịch này đã được hoàn thành vào ngày 31/12/2018 theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành cấp.
- + Nhận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phần, tương ứng 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành từ Ông Đặng Công Thanh theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 26/11/2018 với giá nhận chuyển nhượng là 105.737 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 761.306.400.000 đồng. Giao dịch này đã được hoàn thành vào ngày 20/07/2019 theo giấy chứng nhận sở hữu cổ phần do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành cấp.

Sau khi hoàn thành các giao dịch nêu trên, tổng giá trị đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành lần lượt là 964,321 tỷ đồng và 49%.

Trong năm 2019, vì các nguyên nhân khách quan, Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Ông Đặng Công Thanh đã có văn bản đề nghị hủy bỏ các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần đã hoàn thành nêu trên. Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 15/11/2019 thông qua chủ trương hủy các hợp đồng mua 19% vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành. Thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty và các đối tác đã thực hiện các giao dịch như sau:

**b) Thông tin liên quan đến việc chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43ha**

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, nay là Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP, đã chuyển nhượng khu đất với tổng diện tích 43 ha tại Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô Thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú ("Công ty Tân Phú"), là công ty được thành lập theo Hợp đồng thỏa thuận thành lập liên doanh ngày 01/07/2010 giữa Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương (vốn góp 30%) và Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc ("Công ty Âu Lạc") (vốn góp 70%) để thực hiện đầu tư dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ tại khu đất nêu trên.

Đơn giá chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 581.653 đồng/m<sup>2</sup>, tổng giá trị chuyển nhượng là 250.110.964.496 đồng. Đơn giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Tổng Công ty căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng liên doanh với Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc, lợi nhuận từ giao dịch nêu trên với giá trị 153,629 tỷ đồng đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước trước khi cổ phần hóa.

Vào năm 2017, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 30% phần vốn của Tổng Công ty trong Công ty Tân Phú cho Công ty Âu Lạc, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đã được ghi nhận vào giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Căn cứ vào biên bản làm việc của Thanh tra tỉnh Bình Dương trong năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP đã quyết nghị thông qua việc thống nhất xử lý các vấn đề liên quan đến chuyển nhượng khu đất dịch vụ 43ha và chuyển nhượng phần vốn góp 30% tại Công ty Tân Phú của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 15/11/2019. Theo đó:

**+ Về chuyển nhượng khu đất 43ha**

Trước tiên, Tổng Công ty xác định lại giá chuyển nhượng khu đất theo bảng giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm Tổng Công ty ký kết hợp đồng chuyển nhượng khu đất cho Công ty Tân Phú. Sau khi UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt lựa chọn đơn vị thẩm định giá độc lập để định giá lại giá trị khu đất dịch vụ 43ha theo giá thị trường tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, Tổng Công ty cam kết sẽ tiếp tục xử lý nếu giá của đơn vị thẩm định giá độc lập cao hơn giá ban hành của UBND tỉnh tại thời điểm Tổng Công ty chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú.

- Giá trị khu đất 43 ha chuyển nhượng cho Công ty Tân Phú theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/12/2016 là 250.110.964.496 đồng;
- Giá trị khu đất 43 ha xác định lại theo giá do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành tại thời điểm chuyển nhượng theo Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 là 375.805.853.921 đồng, tương ứng đơn giá 873.967 đồng/m<sup>2</sup>;



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- Giá trị chênh lệch là 125.694.889.425 đồng được Tổng Công ty thực hiện như sau: Tổng Công ty sẽ thỏa thuận với Công ty Tân Phú để thu hồi phần chênh lệch tương ứng tỷ lệ 70% phần giá trị tăng thêm cho hợp đồng chuyển nhượng như sau:

Nội dung	Số tiền
- Số tiền Tổng Công ty góp tương ứng 30% vốn điều lệ	37.708.466.828
- Số tiền Công ty Âu Lạc góp tương ứng 70% vốn điều lệ	87.986.422.597
<b>Cộng</b>	<b>125.694.889.425</b>

Thực tế, Tổng Công ty đã tạm nộp toàn bộ số tiền chênh lệch nêu trên vào tài khoản của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương trong năm 2019. Trong đó phần tương ứng 30% của Tổng Công ty đã được Tỉnh ủy xác nhận giảm trừ công nợ phải trả khác, phần còn lại tương ứng với 70% Tổng Công ty đang theo dõi phải thu Công ty Tân Phú. Do đang trong quá trình đàm phán với các cổ đông của Công ty Tân Phú nên Tổng Công ty chưa xác định nguồn bù đắp cho khoản tiền đã nộp này. Về nghĩa vụ thuế có liên quan, Tổng Công ty sẽ làm việc với cơ quan thuế Bình Dương để xác định lại các nghĩa vụ phải nộp Nhà nước có liên quan và tiến hành điều chỉnh nộp bổ sung nếu có.

Liên quan đến các thông tin trình bày nêu trên, hiện tại Tổng Công ty đang đàm phán với các cổ đông của Công ty Tân Phú do đó chưa thực hiện điều chỉnh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan vào giai đoạn trước khi cổ phần hóa đề trình Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt. Do vậy, nội dung nêu trên có thể thay đổi sau khi được Tỉnh ủy Bình Dương phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

**c) Thông tin góp vốn và tiền lãi bổ sung của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành**

Năm 2007, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV ("Protrade") thực hiện góp vốn liên doanh với các bên nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành ("Tân Thành"), mục đích đầu tư và kinh doanh một khu phức hợp có tên là "Cầu lạc bộ sân golf và Khu nghỉ dưỡng Đảo Hồ Điệp", bao gồm một sân golf 18 lỗ, câu lạc bộ giải trí, khu căn hộ cao tầng, khu nhà ở cao cấp và khu thương mại. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461032000225 ngày 02/11/2007, tổng vốn đầu tư của 3 cổ đông sáng lập là 30 triệu USD, cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	USD	VND	Phương thức góp vốn	
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV	9.000.000	144.000.000.000	Quyền sử dụng đất	(1)
IC Corporation	6.300.000	100.800.000.000	Tiền mặt	(2)
K Source Solutions	14.700.000	235.200.000.000	Tiền mặt	(2)
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000</b>	<b>480.000.000.000</b>		

<sup>(1)</sup> Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV tính đến trước thời điểm cấp giấy chứng nhận thay đổi lần 1 vào ngày 20/04/2011 chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào Tân Thành bằng các quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 1.450.101,8 m<sup>2</sup>.

<sup>(2)</sup> Hai cổ đông nước ngoài này đã góp trong năm 2007 là 5.200.000 USD trong đó IC Corporation góp 4.200.000 USD và K Source góp 1.000.000 USD và đến năm 2011 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp vốn theo hợp đồng liên doanh.

Trong năm 2011, 02 cổ đông sáng lập bên liên doanh nước ngoài là IC Corporation và K Source Solutions Co., Ltd đã chuyển nhượng lại phần vốn đã góp cho Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát triển theo hợp đồng chuyển nhượng vốn và góp thay vốn ngày 24 tháng 2 năm 2011. Cụ thể, Công ty Cổ phần Hưng Vượng nhận chuyển nhượng 4.200.000 USD từ IC Corporation, tương đương với 14% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 7.200.000 USD tương đương 24% vốn điều lệ của Tân Thành. Công ty TNHH Phát triển nhận chuyển nhượng 1.000.000 USD từ K Source Co., Ltd, tương đương với 3,33% vốn điều lệ của Tân Thành và cam kết góp bổ sung 8.600.000 USD tương đương 28,67% vốn điều lệ của Tân Thành.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phương thức thanh toán chuyển nhượng: Theo biên bản thỏa thuận ngày 10/06/2011, các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành làm trung gian chuyển trả cho hai đối tác nước ngoài nêu trên hộ Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát triển. Công ty Cổ phần Hưng Vượng và Công ty TNHH Phát triển sẽ có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành.

Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011, chuyển đổi từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành doanh nghiệp 100% vốn trong nước. Trong đó, số vốn góp theo cam kết theo giấy chứng nhận đầu tư của Protrade là 144 tỷ đồng bằng quyền sử dụng đất, Công ty Cổ phần Hưng Vượng là 182,4 tỷ đồng bằng tiền mặt tương đương 11,4 triệu USD và Công ty TNHH Phát triển là 153,6 tỷ đồng bằng tiền mặt tương đương 9,6 triệu USD.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46122000080 ngày 20 tháng 4 năm 2011 thì phần vốn góp của Protrade là 144 tỷ đồng bằng quyền sử dụng đất. Trong năm 2011, Protrade đã chuyển 144 tỷ đồng cho Tân Thành nhằm hỗ trợ vốn trong giai đoạn đầu mới thành lập tuy nhiên ghi nhận vào vốn góp. Trong năm 2017, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành quyết nghị thông qua việc xác nhận góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất của Protrade, nghĩa vụ góp vốn bằng quyền sử dụng đất được thực hiện xuyên suốt từ khi thành lập, theo đó phần tiền Protrade đã chuyển ghi nhận vào vốn góp trước đây được Tân Thành chuyển thành khoản phải trả cho Protrade.

Ngày 09/06/2017, Protrade và Tân Thành đã ký Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, theo đó khu đất góp vốn là các quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 1.450.101,8 m<sup>2</sup> được các bên thống nhất xác định là 139,209 tỷ VND. Số vốn còn thiếu so với cam kết là 4,79 tỷ đồng được Protrade góp bổ sung dưới hình thức cần trừ công nợ. Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán lại số vốn góp 144 tỷ đồng trước đây Protrade đã góp bằng tiền và đã thanh toán trong năm 2018. Trong năm 2019, căn cứ theo thỏa thuận số 2019/TTLV ngày 01/11/2019, Protrade và Tân Thành thống nhất việc xác định lãi vay bổ sung số tiền 115,884 tỷ đồng cho khoản tiền 144 tỷ đồng, là số tiền được các bên xác định là khoản ứng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành để đối ứng vốn hoạt động, tính từ thời điểm chuyển tiền ngày 24/05/2011 đến thời điểm hoàn thành thanh toán ngày 20/09/2018. Khoản lãi vay bổ sung nêu trên được xác định là khoản lợi nhuận tăng thêm của giai đoạn trước khi cổ phần hóa và nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ khoản tiền lãi nêu trên cho Tổng Công ty chậm nhất đến thời điểm 31/12/2022.

Hiện tại, số liệu tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty chưa được chủ sở hữu phê duyệt quyết toán. Do vậy, khoản lãi vay bổ sung nêu trên có thể thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

**d) Thông tin rủi ro pháp lý**

Ngày 08/04/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra quyết định khởi tố bị can đối với: Ông Nguyễn Văn Minh - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Trần Nguyên Vũ - Nguyên Tổng Giám đốc Tổng Công ty liên quan đến hành vi "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" quy định tại khoản 3, Điều 219, Bộ luật hình sự năm 2015.

**44 . NỢ TIỀM TÀNG**

Theo báo cáo kiểm toán về việc quản lý và sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013 - 2016 ngày 15/08/2017 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, đối với dự án Khu dịch vụ của Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV được giao đất trong giai đoạn 2012 - 2013, Kiểm toán Nhà nước xác định nghĩa vụ tài chính Tổng Công ty phải nộp bổ sung là 409.467.405.383 đồng, trong đó 200.977.025.683 đồng là tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung do Kiểm toán Nhà nước xác định lại đơn giá thu tiền sử dụng đất và 208.490.379.700 đồng là tiền phạt chậm nộp.



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hiện tại, Tổng Công ty chưa thống nhất với kết luận của Kiểm toán Nhà nước và đã có văn bản gửi cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị xem xét. Ngày 17/12/2020, Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số 28553/TB-CT với số tiền 200.977.025.683 đồng. Ngày 02/03/2021, Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Công văn số 252-CV/VPTU về việc đề nghị Tổng Công ty nộp bổ sung tiền sử dụng đất trong khi chờ ý kiến của Kiểm toán Nhà nước trả lời các kiến nghị liên quan đến việc nộp bổ sung tiền sử dụng đất dự án Khu dịch vụ thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương. Ngày 03/03/2021, Tổng Công ty đã tạm nộp 200.977.025.683 đồng tiền sử dụng đất bổ sung vào ngân sách Nhà nước. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Kiểm toán Nhà nước vẫn chưa có văn bản trả lời về kiến nghị nêu trên.

**45. THÔNG TIN CHUYỂN GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN, CÔNG TY CỔ PHẦN AN BÌNH VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN U&I TRƯỚC GIAI ĐOẠN CỔ PHẦN HÓA**

**a) Thông tin hủy hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty TNHH Phát Triển**

Trong năm 2016, căn cứ chủ trương của Tỉnh ủy Bình Dương về việc chấp thuận chuyển giao, thu hồi và cho thuê đất theo công văn số 349/CV/TU ngày 30/06/2016. Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 và phụ lục số 01 ngày 25/05/2016 với Công ty TNHH Phát Triển ("Phát Triển"), theo đó Tổng Công ty chuyển giao cho Phát Triển khu đất có diện tích 83.852,1 m<sup>2</sup> tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị bồi thường là 97.727.400.000 đồng.

Ngày 24/10/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 24/10/2016 về việc thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý và cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê. Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán cho Tổng Công ty với số tiền 30 tỷ đồng, số phải thu còn lại 67,727 tỷ đồng sẽ được thanh toán sau khi Công ty TNHH Phát Triển được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lợi nhuận từ giao dịch nêu trên đã được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả kinh doanh của giai đoạn trước khi cổ phần hóa.

Mặc dù đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp quyết định cho thuê đất, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Phát Triển vẫn chưa hoàn thành. Do đó, ngày 28/10/2019, Công ty TNHH Phát Triển có văn bản số 14/2019/CV-PT đề nghị Tổng Công ty hủy bỏ toàn bộ hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 18/04/2016 vì lý do chậm trễ trong thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như cam kết. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành nghị quyết số 13B/NQ-HĐQT ngày 04/11/2019 phê duyệt chủ trương hủy hợp đồng với Công ty TNHH Phát Triển.

Ngày 04/11/2019, Tổng Công ty và Công ty TNHH Phát Triển đã ký Biên bản hủy hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất. Ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3381/QĐ-UBND về việc thu hồi các quyết định đã cấp liên quan đến việc cho Công ty TNHH Phát Triển thuê đất dưới hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một.

Tổng Công ty đã hoàn trả toàn bộ số tiền 30 tỷ đồng mà Công ty TNHH Phát Triển đã thanh toán để thực hiện hợp đồng và phụ lục. Toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh và khoản lợi nhuận 70,919 tỷ đồng đã ghi nhận trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước được Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố giảm khoản lợi nhuận phải nộp về ngân sách Nhà nước. Số dư khoản phải trả Nhà nước sau khi đã điều chỉnh giảm phần lợi nhuận 70,919 tỷ đồng đã được Văn phòng Tỉnh ủy xác nhận tại thời điểm 31/12/2020. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

Đối với khoản thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh hồi tố theo các nội dung nêu trên, Tổng Công ty đã có công văn đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn thực hiện điều chỉnh. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cục thuế tỉnh Bình Dương chưa có văn bản trả lời chính thức.

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**b) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần An Bình**

Trong năm 2016, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ký hợp đồng bồi thường kinh phí đầu tư về đất và chuyển giao đất ngày 15/08/2016 với Công ty Cổ phần An Bình ("An Bình"). Ngày 25/08/2016, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành công văn số 457-CV/TU về đồng ý chủ trương cho Tổng Công ty được chuyển giao 15 ha đất tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cho An Bình để làm dịch vụ kho bãi phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngày 22/12/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3536/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý để giao cho Công ty Cổ phần An Bình thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một. Tổng Công ty đã ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến giao dịch này trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa. Đến thời điểm 01/01/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một khoản phải thu Công ty Cổ phần An Bình với số tiền 60 tỷ VND, thời hạn thu hồi của khoản phải thu này phụ thuộc vào tiến độ thực hiện thủ tục chuyển giao đất của cơ quan có thẩm quyền, xem chi tiết tại thuyết minh số 06.

Tuy nhiên vào ngày 14/11/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3379/QĐ-UBND về việc thu hồi lại Quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh nêu trên. Hiện nay vụ việc đang chờ hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền và sẽ được xem xét xử lý theo quyết định của các cấp có thẩm quyền.

**c) Thông tin hợp đồng chuyển giao đất cho Công ty Cổ phần Bất động sản U&I**

Trong năm 2016, Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Thông báo số 45-TB/TU ngày 04/03/2016 về việc thống nhất chủ trương cho phép Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV chuyển giao diện tích đất trong dự án Khu quy hoạch Gò Chai. Đây là dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương giao cho Tổng Công ty làm chủ đầu tư theo văn bản số 5653/UBND-SX ngày 24/12/2007.

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV (Bên A) đã ký hợp đồng chuyển giao đất số 01/2016/HĐCG/PROTRADE-U&I ngày 14/10/2016 với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I (Bên B). Theo đó Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B toàn bộ phần diện tích đất Bên A đã đền bù cho các hộ dân thuộc dự án Khu quy hoạch Gò Chai tại phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương với diện tích là 236.403,18 m<sup>2</sup> và Bên B hoàn trả lại cho Bên A chi phí đã bồi thường. Đối với diện tích Bên A sẽ chuyển giao cho Bên B nêu trên, Bên B sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo mục đích sử dụng đất của dự án. Về việc chuyển giao đất, Tổng Công ty sẽ bàn giao thực địa cho Bên B khi nhận đủ số tiền chuyển nhượng. Tuy nhiên, sau đó hai bên đã ký phụ lục hợp đồng số 02/2018/PLHĐCGĐ trong tháng 04 năm 2018 về việc sẽ tiến hành bàn giao đất ngoài thực địa theo hồ sơ đã bồi thường và bản đồ địa chính của cơ quan có chức năng xác lập và cung cấp hồ sơ pháp lý đầy đủ cho Bên B, riêng điều khoản thanh toán sẽ được các bên thỏa thuận sau.

Đến thời điểm hiện tại, việc bàn giao khu đất vẫn chưa được thực hiện, Tổng Công ty đã ghi nhận lợi nhuận từ việc chuyển giao khu đất vào giai đoạn trước cổ phần hóa là 197,157 tỷ đồng và khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản U&I tính đến thời điểm 31/12/2020 là 204,512 tỷ đồng (xem chi tiết tại thuyết minh số 06).

Ngày 05/05/2020, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương sẽ thực hiện hủy hợp đồng chuyển giao đất với Công ty Cổ phần Bất động sản U&I và hoàn trả lại tiền mà Công ty U&I đã thanh toán. Tổng Công ty sẽ ghi giảm khoản doanh thu chuyển nhượng bất động sản đã hạch toán vào giai đoạn trước cổ phần hóa và quyết toán lại số tiền mà Tổng Công ty phải nộp cho Tỉnh ủy Bình Dương. Ngày 22/07/2020, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản U&I đã có biên bản thống nhất phương án hủy hợp đồng số 01/2016-HĐCG/PROTRADE-U&I về việc chuyển giao phần đất 236.403,18 m<sup>2</sup> sau khi có phê duyệt từ các cấp có thẩm quyền. Hiện tại, Tỉnh ủy Bình Dương đang xem xét các nội dung có liên quan và chưa có quyết định chính thức.



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**46 . THÔNG TIN QUYẾT TOÁN SỐ LIỆU TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN**

Căn cứ vào Biên bản thẩm tra ngày 26/07/2019 của Văn phòng Tỉnh ủy và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, cơ quan chủ quản là Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Thông báo số 216-TB/VPTU ngày 20/01/2020 về việc phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV. Trong đó một số nội dung chưa thống nhất sẽ được Tổng Công ty tiếp tục trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định, nếu có thay đổi sẽ được xem xét điều chỉnh vào giá trị khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

Theo phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt theo Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương sẽ là đơn vị có thẩm quyền phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Tỉnh ủy Bình Dương đã có Công văn số 2433-CV/VPTU ngày 31/07/2020 đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt số liệu quyết toán tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đang lấy ý kiến tham mưu của các sở ngành liên quan và vẫn chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2020 của Tổng Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 31/10/2018.

**47 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 14/01/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công An đã ra quyết định khởi tố bị can đối với: Ông Huỳnh Công Phát - Nguyên thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Ông Lý Thanh Châu - Nguyên thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, Ông Nguyễn Thế Sự - Nguyên Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát và Bà Đỗ Thị Thanh Thủy - Nguyên Kế toán trưởng Tổng Công ty liên quan đến hành vi "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" quy định tại khoản 3, Điều 219, Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên và sự kiện Tổng Công ty đã tạm nộp 200.977.025.683 đồng tiền sử dụng đất bổ sung vào ngân sách Nhà nước theo Thông báo số 28553/TB-CT ngày 17/12/2020 của Cục thuế tỉnh Bình Dương tại thuyết minh số 44, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

// 01/ - 10/ 01/ 21 //

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**48 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

Theo lĩnh vực kinh doanh	Kinh doanh thương mại, dịch vụ		Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp		Các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Loại trừ		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	631.453.755.851	119.450.833.723	210.618.864.846				961.523.454.420					961.523.454.420
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.957.852.075	19.722.153.323	32.441.549.054				97.121.554.452					97.121.554.452
Tổng chi phí mua TSCĐ	7.796.786.169	1.485.608.636					9.282.394.805					9.282.394.805
Tài sản bộ phận	5.238.256.643.262	1.102.337.102.117	123.992.126.389				6.464.585.871.768					6.464.585.871.768
Tổng tài sản	5.238.256.643.262	1.102.337.102.117	123.992.126.389				6.464.585.871.768					6.464.585.871.768
Nợ phải trả của các bộ phận	1.724.445.670.185	466.937.576.369	36.093.160.313				2.227.476.406.867					2.227.476.406.867
Nợ phải trả không phân bổ							211.445.706.769					211.445.706.769
Tổng nợ phải trả	1.724.445.670.185	466.937.576.369	36.093.160.313				2.438.922.113.636					2.438.922.113.636

Theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu tại Việt Nam, doanh thu của Tổng Công ty tại Vương quốc Campuchia chiếm tỷ trọng thấp. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được đề trình bày tại thuyết minh số 28 và 30. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**49 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
<b>Góp vốn</b>		-	761.306.400.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết		761.306.400.000
<b>Giảm vốn</b>		-	964.321.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết		964.321.000.000
<b>Nhận chuyển nhượng cổ phần</b>		91.875.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	91.875.000.000	-
<b>Cho vay</b>		264.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	94.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	170.000.000.000	-
<b>Thu hồi nợ cho vay</b>		63.000.000.000	8.767.282.706
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	63.000.000.000	-
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	-	8.767.282.706
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		2.890.659.145	2.970.528.250
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	419.375.529	635.730.073
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	239.655.440	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	2.231.628.176	2.334.798.177
<b>Doanh thu bán hàng</b>		20.800.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	20.800.000	-
<b>Nhận lãi chậm thanh toán</b>		6.384.805.173	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	6.384.805.173	-
<b>Chi phí đi vay</b>		4.710.416.665	5.322.916.667
- Tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông Nhà nước	4.710.416.665	5.322.916.667
<b>Lãi cho vay</b>		15.553.501.778	8.656.192.823
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	14.552.077.121	8.656.192.823
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	1.001.424.657	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020	
	VND	VND	
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	204.512.681.143	204.512.681.143	
- Công ty Cổ phần Bất động sản U&I (*)	204.512.681.143	204.512.681.143	
(*) Công ty có liên quan của cổ đông lớn - Công ty Cổ phần Đầu tư U&I.			
<b>Phải thu về cho vay</b>	346.608.586.920	145.644.490.809	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	168.347.102.061	137.347.102.061
- Công ty TNHH YCH-PROTRADE	Công ty liên kết	8.261.484.859	8.297.388.748
- Công ty CP Hưng Vượng	Công ty liên kết	170.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	63.079.352.130	558.653.617.266	
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	370.084.615	332.579.793
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	5.983.523.844	68.424.658
- Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương	Công ty liên kết	23.467.276.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Vượng	Công ty liên kết	33.258.467.671	468.252.612.815
- Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Công ty liên kết	-	90.000.000.000
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	137.280.877.806	128.669.581.506	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	137.280.877.806	128.669.581.506
<b>Phải trả người bán</b>	43.041.650	1.335.458.997	
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương	Đại diện vốn của cổ đông Nhà nước	-	1.227.395.497
- Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ	Công ty liên kết	43.041.650	97.521.500
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành	Công ty liên kết	-	10.542.000
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>	1.095.233.570.937	1.096.575.237.604	
- Tỉnh ủy Bình Dương	Cổ đông Nhà nước	1.095.233.570.937	1.096.575.237.604

**Thế chấp tài sản**

Công ty Cổ phần Phát triển Phú Mỹ, công ty liên kết của Tổng Công ty đã sử dụng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 560847 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/03/2011 với diện tích 377.630,9 m<sup>2</sup> để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐTC ngày 27/06/2012.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành, công ty liên kết của Tổng Công ty đã sử dụng tài sản của mình là các Quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 594927, BO 594926 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 29/08/2013 với tổng diện tích 624.059,8 m<sup>2</sup> để bảo lãnh cho khoản vay của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/4486227/HĐBĐ ngày 06/11/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02.01/2019/4486227/HĐBĐ ngày 28/05/2019.



**Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP**  
A128 đường 3/2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu,  
thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Thu nhập</b>		
Ông Hà Văn Thuận	100.780.157	-
Ông Nguyễn An Định	880.177.323	62.553.543
Ông Trần Hồng Khởi	67.186.772	-
Ông Võ Hồng Cường	115.177.323	107.234.646
Ông Trần Việt Anh	115.177.323	62.553.543
Ông Nguyễn Văn Thiện	115.177.323	107.234.646
Ông Mai Hữu Tín	115.177.323	107.234.646
Ông Lê Trọng Nghĩa	115.177.323	107.234.646
Ông Nguyễn Văn Minh	(*) 71.985.827	160.851.969
Ông Lý Thanh Châu	(*) 955.177.323	737.234.646
Ông Trần Nguyễn Vũ	(*) 342.536.006	1.187.234.646
Ông Huỳnh Thanh Hải	(*) -	44.681.102
Ông Đinh Công Hoàng	(*) -	44.681.102

(\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm trong năm.

#### 50 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Mai Khánh Trinh



Nguyễn An Định



PROTRADE



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CTCP

Bình Dương, tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN AN ĐỊNH